

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM
KHUYẾN NGHỊ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG
BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN TRƯỚC KHI THAM GIA

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MTV

TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM



Địa chỉ trụ sở chính: Số 844 đường La Thành, Phường Giảng Võ
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.37714929

Fax: 024.38317364

Website: <http://www.vtcab.vn/>

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI



Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.3941 2626

Fax: 024.3934 7818

Website: www.hnx.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



Địa chỉ trụ sở chính: Số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024.3974 1771

Fax: 024.3974 7572

Website: www.vietinbanksc.com.vn

Tháng 03 năm 2018

**THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG CỦA
TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM**

1. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên tổ chức phát hành : Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam
- Tên giao dịch quốc tế : VIETNAM TELEVISION CABLE CORPORATION ONE MEMBER COMPANY LIMITED
- Địa chỉ : Số 844 đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024.37714929
- Fax : 024.38317364
- Ngành nghề kinh doanh : Cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền; Thực hiện hoạt động viễn thông có dây (điều hành hệ thống phát bằng cáp); Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây; Quảng cáo truyền hình (trừ quảng cáo thuốc lá)...
- Người đại diện trước pháp luật : Ông Hoàng Ngọc Huân – Chủ tịch Công ty
- Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa : 884.000.000.000 đồng
- Tổng số lượng cổ phần : 88.400.000 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

Trong đó:

Số cổ phần nhà nước : 45.081.076 cổ phần (chiếm 51% Vốn điều lệ) nắm giữ

Số cổ phần bán cho CBCNV : 1.026.300 cổ phần (chiếm 1,16% Vốn điều lệ)

Số cổ phần đấu giá công khai : 42.292.624 cổ phần (chiếm 47,84% Vốn điều lệ)

2. THÔNG TIN VỀ ĐỢT ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

- Tổ chức chào bán : Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam
- Tên cổ phần chào bán : Cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Tổng số lượng chào bán : 42.292.624 cổ phần (*chiếm 47,84% Vốn điều lệ*)
- Phương thức chào bán : Đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Giá khởi điểm : 140.900 đồng/ cổ phần

3. TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – VIETINBANKSC

- Địa chỉ : Số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại : 024.3974 1771
- Fax : 024.3974 7572
- Website : www.vietinbanksc.com.vn

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	1
1. CĂN CỨ PHÁP LÝ	1
1.1. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.....	1
1.2. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam.....	1
2. CÁC BÊN CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	4
2.1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa	4
2.2. Doanh nghiệp cổ phần hóa.....	4
2.3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá.....	4
3. CÁC KHÁI NIỆM	5
II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA.....	5
1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	5
2. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY	6
3. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH.....	8
4. SẢN PHẨM DỊCH VỤ CHỦ YẾU VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG	9
4.1. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu	9
4.2. Địa bàn hoạt động.....	9
5. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM	9
5.1. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam.....	9
5.2. Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban trong Công ty.....	10
6. TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	18
7. GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ĐỂ CỔ PHẦN HÓA.....	20
8. TÀI SẢN CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP.....	21
8.1. Tình hình đất đai.....	21
8.2. Thực trạng tài sản cố định.....	23
9. CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY VÀ DANH SÁCH CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH CỦA CÔNG TY	23
9.1. Chủ sở hữu Công ty	23
9.2. Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh:.....	23
10. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG 04 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA.....	24
10.1. Số lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm	24
10.2. Nguyên vật liệu.....	25
10.3. Chi phí sản xuất kinh doanh.....	30

10.4. Trình độ công nghệ.....	31
10.5. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.....	34
10.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	36
10.7. Hoạt động marketing.....	37
10.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	38
10.9. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết.....	38
11. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA.....	39
12. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA.....	41
13. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH.....	41
13.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành.....	41
13.2. Triển vọng phát triển ngành.....	42
13.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước.....	42
III. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM.....	43
1. Mục tiêu cổ phần hóa.....	43
2. Điều kiện cổ phần hóa.....	43
3. Hình thức cổ phần hóa.....	44
4. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần.....	44
5. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa.....	45
6. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa.....	45
7. Cơ cấu tổ chức công ty sau cổ phần hóa.....	46
IV. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA.....	51
1. Mục tiêu phát triển.....	51
2. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa.....	52
3. Biện pháp thực hiện.....	55
V. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	58
1. Đối tượng mua cổ phần.....	58
2. Cổ phần nhà nước nắm giữ.....	58
3. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động.....	59
4. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài.....	61
5. Cổ phần bán ưu đãi cho công đoàn.....	61
6. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán.....	62
7. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt cổ phần hóa.....	62
VI. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	62

1. Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam.....	62
2. Đại diện Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam.....	63
3. Đại diện tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần.....	63
VII. CAM KẾT CỦA CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM	63
VIII. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	63
1. Rủi ro về kinh tế.....	63
2. Rủi ro pháp lý.....	66
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	67
4. Rủi ro của đợt chào bán	67
5. Rủi ro khác.....	67
IX. THAY LỜI KẾT.....	68



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	19
Bảng 2: Cơ cấu lao động dự kiến chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	19
Bảng 3: Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2015	20
Bảng 4: Tình hình đất đai trước cổ phần hóa.....	21
Bảng 5: Danh mục tài sản của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình cáp	23
Bảng 6: Số lượng thuê bao VTVcab giai đoạn năm 2014 – 2016	24
Bảng 7: Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ công ty mẹ.....	24
Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất giai đoạn 2014 – 2016	25
Bảng 9: Chi phí sản xuất kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 2014 – 9 tháng đầu năm 2017.....	30
Bảng 10: Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2014 – 2016	31
Bảng 11: Danh sách đăng ký nhãn hiệu.....	38
Bảng 12: Các hợp đồng lớn Tổng công ty đang thực hiện	38
Bảng 13: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 2014 –9 tháng đầu năm 2017	39
Bảng 14: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2014 – 2016.....	40
Bảng 15: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến.....	44
Bảng 16: Chỉ tiêu về thuê bao của Công ty trong 05 năm sau cổ phần hóa (2018 – 2022).....	52
Bảng 17: Một số chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 05 năm sau cổ phần hóa (2018 – 2022).....	52
Bảng 18: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa	62

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Căn cứ pháp lý

1.1. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 28/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần; Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu; Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần
- Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

1.2. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam

- Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/07/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, trọng tâm là Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước giai đoạn 2011-2015;
- Công văn số 1285/THVN-KHTC ngày 08/09/2013 của Đài Truyền hình Việt Nam gửi VTVcab và VTV Broadcom về việc tái cơ cấu các doanh nghiệp thuộc Đài Truyền hình Việt Nam;
- Công văn số 2124/THVN-KHTC ngày 12/10/2013 của Đài Truyền hình Việt Nam gửi Văn phòng Chính phủ về việc báo cáo tình hình tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp;
- Công văn số 153/THVN-KHTC ngày 24/01/2014 của Đài Truyền hình Việt Nam gửi các Công ty TNHH MTV do Đài Truyền hình Việt Nam làm chủ sở hữu và Người đại diện tại các công ty có vốn góp của Đài Truyền hình Việt Nam về việc triển khai tái cơ cấu, cổ phần hóa doanh nghiệp;
- Công văn 56/TTg – ĐMDN ngày 01/07/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Đề án sắp xếp, tái cơ cấu các doanh nghiệp thuộc Đài Truyền hình Việt Nam;
- Quyết định số 180/QĐ-THVN ngày 04/02/2016 của Đài Truyền hình Việt Nam về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa VTVcab;
- Căn cứ Quyết định 169/QĐ-THVN của Đài truyền hình Việt Nam ngày 31/01/2018 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp

- Việt Nam thuộc Đài truyền hình Việt Nam;
- Quyết định số 01/QĐ-BCĐCPH VTVcab ngày 25/02/2016 của Ban Chỉ Đạo cổ phần hóa về việc thành lập tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa và phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam;
 - Quyết định số 268/QĐ-THVN ngày 04/03/2016 của Đài THVN phê duyệt danh sách các doanh nghiệp thuộc Đài Truyền hình Việt Nam thực hiện cổ phần hóa;
 - Văn bản số 549b/ QĐ-THVN ngày 26/04/2016 của Đài THVN về việc phê duyệt dự toán gói thầu "Cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp" để cổ phần hóa;
 - Quyết định số 561b/QĐ-THVN ngày 27/04/2016 của Đài THVN về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp VTVcab để cổ phần hóa;
 - Văn bản số 01/BCĐCPHVTVcab ngày 04/05/2016 của Ban chỉ đạo CPH về việc báo cáo về việc triển khai tái cơ cấu, cổ phần hóa các doanh nghiệp do Đài Truyền hình Việt Nam đầu tư, góp vốn;
 - Quyết định số 03/QĐ-BCĐCPH VTVcab ngày 18/05/2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa VTVcab về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp VTVcab để cổ phần hóa";
 - Văn bản số 1456/THVN- BCĐCPHVTVcab ngày 10/07/2016 của Đài Truyền hình Việt Nam về việc kiểm toán kết quả định giá các doanh nghiệp thuộc Đài Truyền hình Việt Nam;
 - Văn bản số 4967/STC-QLCS ngày 16/08/2016 của Sở Tài Chính phê duyệt giá đất của Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam;
 - Văn bản số 1532/TTg-ĐMDN ngày 30/08/2016 của Thủ tướng Chính Phủ về việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn;
 - Quyết định số 1865/QĐ-KTNN ngày 17/11/2016 của Kiểm toán nhà nước về kế hoạch kiểm toán bổ sung năm 2016;
 - Quyết định số 1912/QĐ –KTNN ngày 30/11/2016 của Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi chính thức công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đối với VTVcab và Saigontourist;
 - Quyết định số 1740/QĐ-THVN ngày 05/12/2016 của Đài Truyền hình Việt Nam về việc phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa VTVcab;
 - Văn bản số 141/KTNN-TH ngày 22/02/2017 của Kiểm toán nhà nước về việc gửi báo cáo;
 - Quyết định số 01/QĐ-BCĐCPHVTVcab ngày 06/03/2017 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa VTVcab về việc bổ sung thay thế thành viên tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa của VTVcab;
 - Văn bản số 366/ THVN- KHTC ngày 21/03/2017 của Đài truyền hình Việt Nam về việc doanh nghiệp cổ phần hóa giai đoạn 2016-2020;
 - Văn bản số 5139/VPCP-ĐMDN ngày 19/05/2017 của Văn phòng Chính Phủ về việc doanh nghiệp cổ phần hóa giai đoạn 2016-2020;
 - Quyết định số 713/QĐ-THVN ngày 25/05/2017 của Đài truyền hình Việt Nam về việc phê duyệt và công bố giá trị doanh nghiệp của VTVcab để cổ phần hóa;
 - Quyết định số 714/QĐ-THVN ngày 25/05/2017 của Đài Truyền hình Việt Nam về việc phê duyệt dự toán gói thầu Thuê tư vấn lập phương án cổ phần hóa;
 - Quyết định số 741/QĐ-THVN ngày 02/06/2017 của Ban Chỉ Đạo CPH về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu thuê tư vấn cổ phần hóa;

- Quyết định số 05/QĐ-BCĐCPHVTVCab ngày 02/06/2017 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa VTVCab về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị và thương thảo hợp đồng thuê tư vấn lập phương án cổ phần hóa;
- Quyết định số 07/QĐ-BCĐCPHVTVCab ngày 05/06/2017 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa VTVCab về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thuê tư vấn lập phương án cổ phần hóa;
- Văn bản số 2165/STC-VGCS ngày 16/06/2017 của Sở tài chính về việc phương án sắp xếp lại xử lý đất của VTVCab tại tỉnh Khánh Hòa;
- Văn bản số 855/THVN-KHTC ngày 12/06/2017 của Đài truyền hình Việt Nam đề nghị giữ nguyên giá trị doanh nghiệp đến thời điểm thực hiện bán cổ phần đối với VTVCab;
- Văn bản số 5272/UBND ngày 21/06/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của VTVCab trên địa bàn Khánh Hòa;
- Quyết định số 941/QĐ-THVN ngày 11/07/2017 của Đài Truyền hình Việt Nam về việc phê duyệt tiêu chí, trình tự lựa chọn nhà đầu tư chiến lược khi thực hiện cổ phần hóa;
- Tờ trình 923/TTr-VTVCab ngày 04/08/2017 về việc đề xuất xử lý vướng mắc trong quá trình cổ phần hóa của VTVCab;
- Văn bản số 1149/THVN-KHTC ngày 04/08/2017 của Đài THVN gửi Văn phòng Chính phủ về việc đề nghị giữ nguyên giá trị doanh nghiệp đến thời điểm thực hiện bán cổ phần đối với VTVCab và sử dụng giá xác định theo phương pháp DCF làm cơ sở để tính giá khởi điểm bán cổ phần;
- Văn bản số 10851/BTC-QLCS ngày 15/08/2017 của Bộ Tài Chính về việc sắp xếp lại, xử lý đối với cơ sở nhà, đất của Đài truyền hình Việt Nam trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Văn bản số 11060/BTC-QLCS ngày 18/08/2017 của Bộ Tài Chính về việc sắp xếp, xử lý đối với cơ sở nhà, đất của Đài Truyền hình Việt Nam trên địa bàn Hà Nội;
- Biên bản Hội nghị đại biểu CBCNV Bất thường ngày 26/08/2017 về việc thông qua phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam;
- Văn bản số 14878/BTC-QLCS ngày 03/11/2017 của Bộ Tài Chính về việc sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam thuộc Đài THVN trên địa bàn TP HCM;
- Văn bản 8570/VPCP-ĐMDN ngày 15/08/2017 của Văn phòng Chính Phủ gửi Đài THVN về việc đề nghị giữ nguyên Giá trị doanh nghiệp đến thời điểm thực hiện bán Cổ phần của VTVCab;
- Thông báo số 522/TB-VPCP ngày 07/11/2017 của Văn phòng Chính phủ kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về kéo dài thời gian hoàn thành bán cổ phần lần đầu và không điều chỉnh giá trị sổ sách khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Truyền hình cấp Việt Nam;
- Báo cáo số 16/BC-VTVCab ngày 22/12/2017 báo cáo về việc tiếp nhận hồ sơ, tổng hợp danh sách nộp hồ sơ của nhà đầu tư chiến lược khi Cổ phần hóa của VTVCab gửi ban chỉ đạo CPH;
- Tờ trình số 02/TTr-VTVCab ngày 08/01/2018 về việc xây dựng và triển khai phương án CPH của VTVCab gửi Ban chỉ đạo CPH;
- Biên bản họp về việc xây dựng và triển khai phương án CPH của Ban chỉ đạo CPH ngày 09/01/2018;

- Công văn số 46/VTVcab của VTVcab ngày 11/01/2018 về việc hướng dẫn thực hiện chính sách với người lao động khi cổ phần hóa;
- Thông báo số 11/TB –VTVcab ngày 11/01/2018 về việc mua cổ phần ưu đãi của người lao động khi cổ phần hóa;
- Biên bản Hội nghị đại biểu cán bộ công nhân viên bất thường ngày 20/01/2018 về việc thông qua những thay đổi trong phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty truyền hình Cấp Việt Nam;
- Quyết định số 174/QĐ –THVN của Đài truyền hình Việt Nam ngày 31/01/2018 về việc phê duyệt Phương án cổ phần Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam thuộc Đài Truyền hình Việt Nam;
- Các văn bản, tài liệu pháp lý khác có liên quan;

2. Các bên chịu trách nhiệm chính với nội dung bản Công bố thông tin

2.1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ông Nguyễn Thành Lương	Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Hường	Trưởng ban Tổ chức cán bộ Đài Truyền hình Việt Nam	Ủy viên
Ông Chu Đức Lam	Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính Đài THVN	Ủy viên
Ông Hoàng Ngọc Huấn	Chủ tịch Công ty VTVcab	Ủy viên
Ông Vũ Hải Thanh	Phó trưởng ban Kế hoạch – Tài chính Đài THVN	Ủy viên

Bản công bố thông tin này do doanh nghiệp cổ phần hóa và Tổ chức tư vấn lập, được Ban Chỉ đạo cổ phần hóa ra soát và thông qua, đảm bảo theo đúng phương án cổ phần hóa, hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp và các hồ sơ liên quan.

2.2. Doanh nghiệp cổ phần hóa

- Ông **Hoàng Ngọc Huấn** Chức vụ: Chủ tịch Công ty
- Bà **Trần Ngọc Huyền** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam trước khi tham dự đấu giá mua cổ phần.

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong bản công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, kết quả hoạt động, tình hình tài chính của Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam.

2.3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá

- Ông **Chu Mạnh Hiền** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy Ủy quyền số 01/UQ-CKCT do Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương ký ngày 02/01/2018).

Bản Công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBankSc) lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn ký giữa Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam và VietinBankSc và các thông tin số liệu do Tổng công ty

Truyền hình Cáp Việt Nam cung cấp. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam cung cấp.

3. Các khái niệm

- Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam : Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam
- VTVcab : Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam
- Ban chỉ đạo/BCĐ : Ban chỉ đạo cổ phần hóa
- TGĐ : Tổng giám đốc
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- CTCP : Công ty cổ phần
- MTV : Một thành viên
- UBND : Ủy ban nhân dân
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- ĐKKD : Đăng ký kinh doanh
- CNQSDĐ : Chứng nhận quyền sử dụng đất
- BCTC : Báo cáo tài chính
- QL : Quản lý
- TP : Thành phố
- DN : Doanh nghiệp
- HĐKD : Hoạt động kinh doanh
- TSCĐ : Tài sản cố định
- KH : Kế hoạch
- HĐ : Hợp đồng
- GTDN : Giá trị doanh nghiệp

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung về doanh nghiệp cổ phần hóa

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: VIETNAM TELEVISION CABLE CORPORATION ONE MEMBER COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: VTVcab. Corporation
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 844 đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024.37714929

- Fax: 024.38317364
- Website: <http://www.vtvcb.vn/>
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 458.000.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi tám tỷ đồng)
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0105926285 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/06/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 05/10/2017

2. Quá trình thành lập và phát triển của Công ty

Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam (VTVcab) tiền thân là Trung tâm Truyền hình Cáp MMDS thành lập ngày 20/9/1995. Tổng công ty đã trải qua các lần đổi tên: Hãng Truyền hình Cáp Việt Nam (năm 2000); Trung tâm dịch vụ Kỹ thuật Truyền hình Cáp Việt Nam (năm 2003). Đặc biệt từ năm 2012, Tổng công ty phát triển nhanh cả về quy mô lẫn năng lực, đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh khi chuyển sang mô hình doanh nghiệp với thương hiệu mới VTVcab.

Dưới đây là các mốc phát triển quan trọng của Tổng công ty:

Năm	Các mốc lịch sử
1995	Thành lập Trung tâm Truyền hình Cáp MMDS
1998	Khóa mã hệ thống MMDS
2001	Triển khai truyền hình cáp hữu tuyến CATV tại Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương...
2003	Hợp tác triển khai truyền hình cáp trên toàn quốc như tại Phú Thọ...
2005	Cung cấp internet trên mạng truyền hình cáp
2006	Tăng cường hợp tác phát triển CATV trên phạm vi toàn quốc tại An Giang, Bình Thuận, Ninh Thuận, Ninh Bình, Thái Bình, Thái Nguyên, Tiền Giang, ...
2007	Bước đột phá trong việc xã hội hóa các kênh truyền hình chuyên biệt
2008	Triển khai hệ thống truyền hình số trên mạng cáp
2009	Hệ thống đường truyền cáp quang liên tỉnh với gói kênh số hóa được đưa vào khai thác (Lào Cai, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Nghệ An, Hà Tĩnh, An Giang...)
	Chính thức liên doanh với tập đoàn Canal+/Canal Overseas triển khai truyền hình số vệ tinh với thương hiệu K+ phủ sóng toàn quốc. Đây là liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực truyền hình
2011	Chính thức triển khai dịch vụ SD, HD
	Ra mắt tổng đài Chăm sóc khách hàng trên toàn quốc 1900 1515
2012	Ra mắt Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Việt Nam
	Hơn 100 chi nhánh, văn phòng đại diện của Truyền hình Cáp Việt Nam trên toàn quốc
	Tiếp tục sở hữu bản quyền phát sóng các giải bóng đá Châu Âu bao gồm giải Ngoại hạng Anh mùa giải 2012-2013, VĐQG Tây Ban Nha, VĐQG Italia, VĐQG Pháp (đến hết mùa giải năm 2015)
2013	Ra mắt dịch vụ VTVplus - dịch vụ xem truyền hình trực tuyến trên nền tảng công nghệ OTT (Over the top)
	Hợp tác với CMC Telecom triển khai cung cấp dịch vụ internet trên hạ tầng mạng truyền hình cáp trên toàn quốc.

Năm	Các mốc lịch sử
	<p>Mở rộng mạng cáp trên ba miền Bắc – Trung – Nam tại một số thành phố lớn: TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa – Vũng Tàu, Lâm Đồng, Quy Nhơn, Cần Thơ, ...</p> <p>Thúc đẩy tốc độ phát triển số hóa đặc biệt là thuê bao truyền hình số SD, HD trên toàn quốc: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Ninh, Quảng Trị, Thái Bình...</p> <p>Đã thử nghiệm, đang xúc tiến và chính thức ra mắt dịch vụ Truyền hình tương tác VTV Live - dịch vụ truyền hình với các trải nghiệm mới về tính tương tác trên đa nền tảng mạng và đa dạng thiết bị truy cập.</p> <p>Tháng 4/2013, Truyền hình Cấp Việt Nam thay đổi thương hiệu từ VCTV sang VTVcab và đổi tên chính thức thành Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam</p> <p>Ngày 07/05/2013: Chính thức ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới VTVcab</p>
2014	<p>Tiếp nhận thêm 10 đơn vị mới, nâng tổng số tỉnh, thành mà VTVcab đã phủ sóng mạng cáp lên đến 60 tỉnh, thành trên cả nước. Tính đến tháng 8/2014, VTVcab chính thức cung cấp Dịch vụ Truyền hình số HD tại TP Hồ Chí Minh</p> <p>Triển khai dịch vụ trọn gói (truyền hình cáp – HD – Internet) tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh</p>
2015	<p>Đẩy mạnh đa dịch vụ trên hạ tầng cáp trên toàn quốc</p> <p>Hoàn thành lộ trình số hóa theo đề án của chính phủ</p> <p>Triển khai công thanh toán trực tuyến và ví điện tử</p> <p>Cung cấp các gói dịch vụ combo, đa tiện ích tới khách hàng (Analog – HD – Internet, Analog – HD, HD – Internet, Analog – Internet)</p> <p>Là đơn vị THTT đầu tiên tại Việt Nam triển khai ứng dụng công nghệ mạng cáp quang GPON</p> <p>Tiếp tục mở rộng địa bàn cung cấp dịch vụ tại TP. Hồ Chí Minh</p> <p>Phát sóng trên 200 kênh truyền hình, trong đó có hơn 60 kênh HD</p> <p>Từ tháng 9/2015, triển khai dự án “Mái ấm yêu thương” và đã xây dựng nhà tình thương tại Phú Thọ, Nghệ An, Khánh Hòa, Long An, Tiền Giang và đang tiếp tục mở rộng triển khai tại nhiều tỉnh thành trên toàn quốc</p> <p>Kiến tạo giải thưởng Cúp Chiến Thắng – Giải thưởng tôn vinh các tài năng xuất sắc của thể thao Việt Nam</p>
2016	<p>Triển khai quy trình chăm sóc khách hàng chuẩn theo thứ tự ưu tiên 1 giờ – 2 giờ – 4 giờ</p> <p>Tiếp tục triển khai chương trình “Mái ấm yêu thương” với mục tiêu xây dựng hơn 1.000 căn nhà tặng người nghèo trên toàn quốc</p> <p>Cung cấp dịch vụ truyền hình theo yêu cầu VTVcab ON</p> <p>Tập trung vào nội dung giải trí, phim truyện, thể thao chuyên biệt, trẻ em theo độ tuổi và các chương trình truyền hình theo yêu cầu</p> <p>Phát triển nhanh, mạnh thuê bao truyền hình số. Cung cấp dịch vụ trọn gói truyền hình cáp – truyền hình số – internet tốc độ cao với mức giá hợp lý</p>

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0105926285 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/06/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 05/10/2017, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty bao gồm:

- Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (*Chi tiết: Dịch vụ truyền hình trả tiền*);
- Hoạt động viễn thông có dây (*Chi tiết: Điều hành hệ thống phát bằng cáp (ví dụ phát dữ liệu và tín hiệu truyền hình); Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây*);
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (*Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình*);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (*Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, chứng khoán)*);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (*Chi tiết: Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền)*);
- Hoạt động viễn thông khác (*Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada; Điều hành các trạm đầu cuối vệ tinh và các trạm liên hợp nối với một hoặc nhiều hệ thống thông tin mặt đất và khả năng truyền/nhận viễn thông từ hệ thống vệ tinh; Cung cấp truy cập internet thông qua các mạng kết nối giữa khách hàng và ISP nhưng không do ISP sở hữu và vận hành, như truy cập Internet quay số (dial-up); Cung cấp dịch vụ các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại internet); Bàn lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp (mà không thực hiện cung cấp dịch vụ); Hoạt động của các điểm truy cập Internet; Dịch vụ viễn thông cơ bản bao gồm: Dịch vụ điện thoại, dịch vụ, fax, dịch vụ truyền hình ảnh, dịch vụ nhắn tin, dịch vụ kênh thuê riêng, dịch vụ kết nối internet; Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng, bao gồm: Dịch vụ thư điện tử, thư thoại, dịch vụ fax giá tăng giá trị, dịch vụ truy cập internet; Thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất không sử dụng băng tần vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (chỉ được hoạt động khi có giấy phép do Bộ thông tin và truyền thông cấp); (Đối với ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)*).
- Xuất bản phần mềm (*Chi tiết: Xuất bản các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như: hệ thống điều hành, kinh doanh và các ứng dụng khác; chương trình trò chơi máy vi tính*);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (*Chi tiết: Sản xuất trò chơi điện tử, video giải trí, cờ*);
- Công thông tin; Hoạt động công thông tin (*Chi tiết: Hoạt động điều hành các website sử dụng công cụ tìm kiếm để tạo lập và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn và các địa chỉ internet và nội dung theo một định dạng có thể tìm kiếm một cách dễ dàng; Hoạt động điều hành các website khác hoạt động như các công internet, như các trang báo chí, phương tiện truyền thông cung cấp các nội dung thông tin được cập nhật định kỳ; Thiết lập trang thông tin điện*

từ tổng hợp, mạng xã hội, website thương mại điện tử bán hàng, website khuyến mại trực tuyến, sàn giao dịch thương mại điện tử);

- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Chi tiết: Hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê, dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan như: hoạt động cho thuê riêng như cho thuê trang web, dịch vụ truyền suốt hoặc cho thuê ứng dụng thiết bị mainframe phân thời cho khách hàng. Hoạt động xử lý dữ liệu bao gồm xử lý hoàn chỉnh và báo cáo các kết quả đầu ra cụ thể từ các dữ liệu do khách hàng cung cấp hoặc nhập tin và xử lý dữ liệu tự động);
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) (Chi tiết: Dịch vụ trung gian thanh toán: Dịch vụ công thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ; Dịch vụ hỗ trợ chuyển tiền điện tử: Dịch vụ ví điện tử).

4. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu và địa bàn hoạt động

4.1. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu

Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Tổng công ty là các sản phẩm, dịch vụ của các hoạt động chính của Tổng công ty bao gồm:

- Cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền;
- Thực hiện hoạt động viễn thông có dây (điều hành hệ thống phát bằng cáp);
- Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây;
- Quảng cáo truyền hình (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Thực hiện hoạt động sản xuất chương trình truyền hình;
- Bán buôn, bán lẻ thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Hoạt động môi giới bản quyền, sắp xếp cho việc mua – bán bản quyền; và
- Cung cấp dịch vụ viễn thông và thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất..

4.2. Địa bàn hoạt động

Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và hoạt động rộng khắp trên toàn quốc.

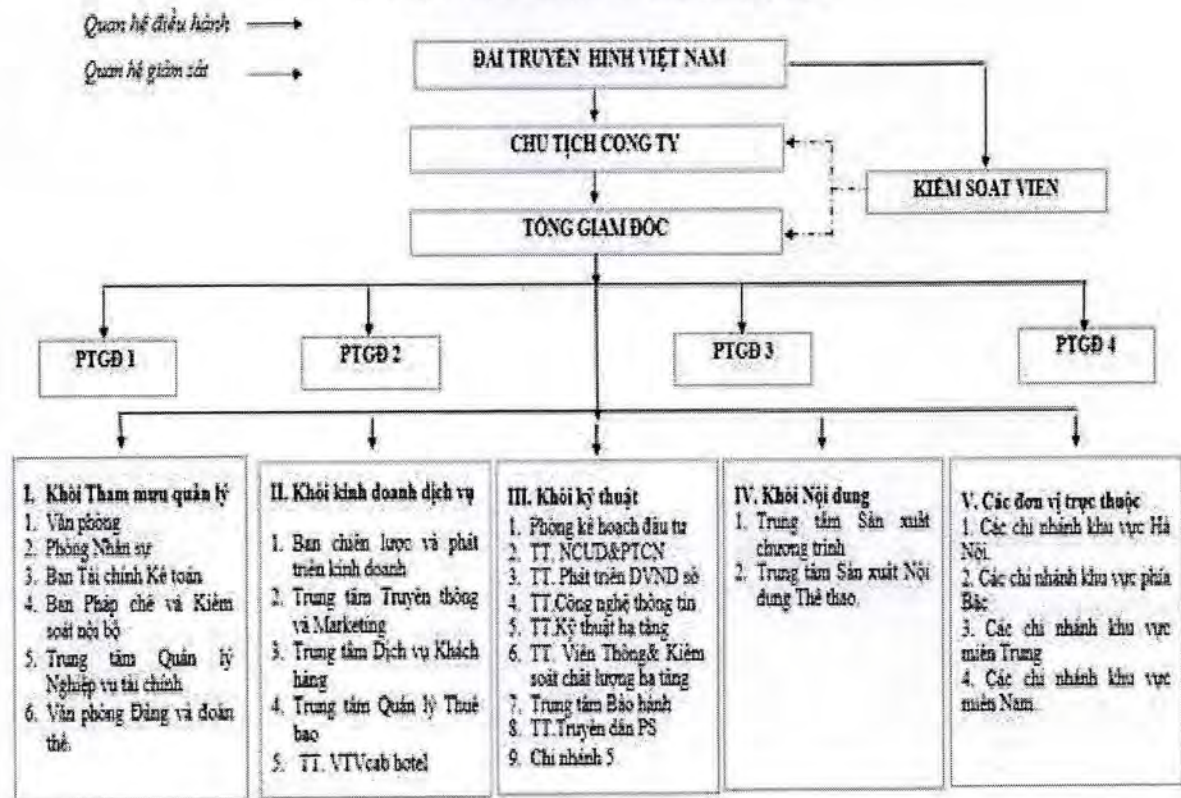
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam

5.1. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam

Cơ cấu tổ chức tổ máy của Công ty hiện nay theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên, gồm có:

- Chủ tịch Công ty;
- Tổng Giám đốc Công ty;
- Kiểm soát viên;
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Kế toán trưởng;
- Bộ máy giúp việc gồm:
 - + Khối Tham mưu quản lý;
 - + Khối Kinh doanh – Dịch vụ;
 - + Khối Kỹ thuật
 - + Khối nội dung;
 - + Các chi nhánh trực thuộc.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY TRƯỚC KHI CỐ PHẦN HÓA



5.2. Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban trong Công ty

✚ **Chủ tịch Tổng công ty**

- Chủ tịch Tổng công ty là người đại diện Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Tổng công ty; Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đài Truyền hình Việt Nam và pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.
- Chủ tịch Tổng công ty thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy Đài Truyền hình Việt Nam quản lý do Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thay thế, khen thưởng, kỷ luật.
- Nhiệm kỳ của Chủ tịch Tổng công ty không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

✚ **Tổng Giám đốc**

- Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Tổng công ty; phù hợp với Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.
- Tổng Giám đốc Tổng công ty thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy Đài Truyền hình Việt Nam quản lý do Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thay thế, khen thưởng, kỷ luật.
- Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc Tổng công ty không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Hiện tại: Tổng Giám đốc kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch Tổng công ty theo Quyết định số 368/QĐ-THVN ngày 23/3/2016 của Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.

✦ **Phó Tổng Giám đốc**

- Chủ tịch Tổng công ty quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật đối với các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Tổng công ty sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.
- Các Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng công ty theo sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Việc ủy quyền có liên quan đến việc ký kết hợp đồng kinh tế sử dụng con dấu của Tổng công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

✦ **Kế toán trưởng**

- Kế toán trưởng có nhiệm vụ giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán của Tổng Công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

✦ **Kiểm soát viên**

- Đài Truyền hình Việt Nam bổ nhiệm từ 01 đến 03 Kiểm soát viên, tùy theo quy mô và giai đoạn hoạt động của Tổng công ty. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đài Truyền hình Việt Nam về việc thực hiện quyền và các nghĩa vụ của mình.

Hiện tại: Đài THVN bổ nhiệm 01 người giữ chức danh Kiểm soát viên tại Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam.

✦ **Văn phòng**

Văn phòng Tổng công ty là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác hành chính quản trị; Thực hiện công tác tổng hợp; Xây dựng kế hoạch, lập kế hoạch chiến lược của toàn Tổng công ty, giúp Tổng Giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Tổng công ty.

✦ **Ban Tài chính kế toán**

Ban Tài chính kế toán là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc về quản lý tài chính kế toán, hạch toán kế toán, thông tin kinh tế, phân tích hoạt động kinh tế, kiểm soát tài chính kế toán tại Tổng công ty; Tham mưu giúp Tổng Giám đốc Tổng công ty trong việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty.

✦ **Ban pháp chế và kiểm soát nội bộ**

Ban Pháp chế và Kiểm soát nội bộ là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc về những vấn đề pháp lý, công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tài chính, kế toán, kiểm toán nội bộ, theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư của các dự án liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Tổng công ty.

✦ **Trung tâm Quản lý nghiệp vụ tài chính**

Trung tâm Quản lý Nghiệp vụ tài chính là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam thực hiện chức năng:

- Phối hợp với Ban Tài chính Kế toán, Ban Pháp chế và Kiểm soát nội bộ xây dựng quy định hạch toán kế toán, chính sách tài chính, chính sách quản lý thuê bao áp dụng thống nhất cho các chi nhánh.
- Xây dựng quy chế và các biện pháp trong công tác quản lý tài chính các chi nhánh theo đúng quy định của Bộ Tài chính, Đài Truyền hình Việt Nam và của Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam.

✚ **Phòng Nhân sự**

Phòng nhân sự là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, quản lý nhân sự, lao động tiền lương: xây dựng định mức lao động, định biên lao động tại các đơn vị trực thuộc; Xây dựng đơn giá tiền lương, kế hoạch tiền lương, tổng quỹ tiền lương kế hoạch và phân bổ quỹ tiền lương kế hoạch đối với các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty.

✚ **Văn phòng Đảng và Đoàn thể**

Văn phòng Đảng và đoàn thể là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu cho Ban Lãnh đạo Tổng công ty; cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và hướng dẫn của Đài Truyền hình Việt Nam về công tác Đảng, đoàn thể; thực hiện một số nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng Giám đốc; tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, trực tiếp là giúp Ban Thường vụ, Bí thư và Phó Bí thư Đảng ủy Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam tổ chức điều hành công việc lãnh đạo của Đảng; đồng thời là trung tâm thông tin tổng hợp, báo cáo phục vụ sự lãnh đạo của Đảng ủy Tổng công ty.

✚ **Ban chiến lược và phát triển kinh doanh**

Ban Chiến lược và Phát triển kinh doanh là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc:

- Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch kinh doanh ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.
- Nghiên cứu, xây dựng chính sách kinh doanh các Dịch vụ.
- Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch mua bán bản quyền truyền hình.
- Phối hợp các đơn vị đánh giá hiệu quả đầu tư.
- Hỗ trợ các Chi nhánh, đơn vị hợp tác xây dựng kế hoạch kinh doanh và giám sát các đơn vị thực hiện.
- Chủ trì soạn thảo và quản lý các hợp đồng kinh tế, phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ kiểm tra theo dõi các công tác liên quan đến việc thực hiện các hợp đồng kinh tế.
- Điều tra, nghiên cứu thị trường và các đối thủ cạnh tranh; chủ động mở rộng và phát triển thị trường.
- Báo cáo, đánh giá tổng kết hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

✚ **Trung tâm Truyền thông và Marketing**

Trung tâm Truyền thông và Marketing là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam, thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu, phân tích xu hướng, cách thức tiếp cận công chúng, khách hàng tiêu dùng; Xây dựng chiến lược và kế hoạch truyền thông; Quản trị và phát triển

thương hiệu; Kết hợp với các đơn vị chức năng liên quan phát triển các sản phẩm dịch vụ truyền hình mới; Dịch vụ truyền thông đa phương tiện cho đối tác bên ngoài: sản xuất chương trình, tư vấn xây dựng thương hiệu, tổ chức sự kiện; Nội dung phát sóng các kênh chương trình của VTVcab và các kênh chương trình nước ngoài phát trên hệ thống mạng truyền hình cáp VTVcab; Hoạt động PR, PR nội bộ, kiểm soát hình ảnh; Dự phòng rủi ro về hình ảnh và hình ảnh báo chí trong Tổng công ty và thị trường; Thực hiện công tác quảng cáo; Xây dựng kế hoạch hàng năm, kế hoạch dài hạn về phát triển quảng cáo và các dịch vụ giá trị gia tăng khác trên hệ thống truyền hình trả tiền của VTVcab theo quy hoạch phát triển của Đài Truyền hình Việt Nam nói chung, của VTVcab nói riêng và tổ chức thực hiện kế hoạch khi được phê duyệt.

✦ **Trung tâm dịch vụ khách hàng**

Trung tâm Dịch vụ Khách hàng là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc:

- Thực hiện công tác dịch vụ và chăm sóc khách hàng; tổ chức, thực hiện và tiếp nhận thông tin phản ánh từ khách hàng dưới các hình thức: điện thoại, fax, email, SMS, website ... nhằm giải đáp, hỗ trợ và chăm sóc khách hàng về dịch vụ truyền hình cáp, Internet, SD, HD và các dịch vụ gia tăng khác của Tổng công ty;
- Tham gia phát triển các dịch vụ của Tổng công ty, hỗ trợ các nghiệp vụ kinh doanh, thống kê, báo cáo nội bộ của Tổng công ty và thực hiện các chức năng khác theo yêu cầu của Tổng Giám đốc.

✦ **Trung tâm quản lý thuê bao**

Trung tâm Quản lý Thuê bao là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc:

- Trung tâm Quản lý thuê bao là đơn vị chuyên môn trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong công tác quản lý thuê bao và quản lý nguồn thu thuê bao;
- Thực hiện công tác quản lý khách hàng, công tác quản lý công nợ Khách hàng và thu thuê bao tại các chi nhánh do Tổng Công ty điều hành tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, các đơn vị hợp tác kinh doanh phân chia Doanh thu theo sự chỉ đạo của Ban Lãnh đạo Tổng Công ty;
- Trực tiếp tổ chức công tác thu thuê bao tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tham gia phát triển các dịch vụ, phát triển các kênh thanh toán không dùng tiền mặt, hỗ trợ các nghiệp vụ kinh doanh, thống kê và báo cáo nội bộ của Tổng Công ty;
- Đầu mối tham gia xây dựng cơ chế chính sách, xử lý các vấn đề liên quan đến quản lý thuê bao trên toàn quốc;
- Quản lý dòng tiền về thuê bao trên toàn quốc, phân cấp tùy theo từng thời kỳ;
- Các chức năng khác theo yêu cầu của Tổng Giám đốc.

✦ **Trung tâm Truyền hình khách sạn**

Trung tâm Truyền hình khách sạn là đơn vị trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam, được tổ chức và hoạt động theo phương thức hạch toán độc lập với Tổng Công ty, có con dấu và tài khoản riêng; thực hiện chức năng ký kết các hợp đồng kinh tế, đầu tư, phát triển khách hàng, mạng lưới kinh doanh, hợp tác, thuê khai thác thị trường, quản lý khách hàng thuộc hệ thống khách sạn, nhà nghỉ.

✚ **Phòng Kế hoạch đầu tư**

Phòng Kế hoạch đầu tư là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc:

- Lên kế hoạch đầu tư, mua sắm hàng hóa, trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và theo dõi thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong Tổng công ty;
- Tổ chức mua sắm thiết bị, phương tiện, hàng hóa thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

✚ **Trung tâm kỹ thuật truyền dẫn phát sóng**

Trung tâm Kỹ thuật truyền dẫn phát sóng là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc: Xây dựng, quản lý, vận hành và giám sát toàn bộ hệ thống phát sóng các kênh VTVcab, hệ thống lưu trữ, hệ thống thu vệ tinh, thu phát tín hiệu cho các đối tác, headend số, headend analog, mạng truyền dẫn IP, hệ thống hạ tầng phòng máy toàn quốc của Tổng công ty Truyền hình cấp Việt Nam; là Trung tâm thu phát chính cung cấp tín hiệu cho các chi nhánh và các đơn vị Truyền hình Cấp trên toàn quốc được Tổng Giám đốc phê duyệt.

✚ **Trung tâm kỹ thuật hạ tầng**

Trung tâm Kỹ thuật hạ tầng là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam, thực hiện chức năng tổ chức quản lý, thực hiện và tham mưu về công tác kỹ thuật, hạ tầng mạng truyền hình cấp từ Tổng Công ty đến các chi nhánh và đơn vị hợp tác.

✚ **Trung tâm công nghệ thông tin**

Trung tâm Công nghệ Thông tin là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam, có chức năng tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc thực hiện các chức năng:

- Quản lý, điều hành và phát triển công nghệ thông tin hỗ trợ cho công tác quản lý và sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty;
- Ban hành các chính sách an toàn, bảo mật thông tin của Tổng Công ty;
- Chỉ đạo, điều hành, giám sát và kiểm tra công tác vận hành, khai thác, bảo dưỡng các hệ thống công nghệ thông tin của các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty;
- Nghiên cứu, định hướng và tìm kiếm giải pháp, xu hướng công nghệ, phát triển các ứng dụng dịch vụ theo yêu cầu sản xuất kinh doanh. Đề xuất các biện pháp cải tiến, tối ưu hoá cũng như nâng cấp hệ thống phù hợp tình hình thực tế.
- Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành các hệ thống cung cấp dịch vụ Viễn thông, Internet toàn quốc.

✚ **Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Phát triển công nghệ**

Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Phát triển công nghệ là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty; thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc:

- Định hướng sử dụng công nghệ mới trong lĩnh vực truyền hình hữu tuyến, viễn thông, các loại hình dịch vụ giá trị gia tăng trên hệ thống mạng truyền hình hữu tuyến, sản xuất chương trình truyền hình.
- Quản lý đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ đối với toàn bộ cán bộ, nhân viên trực thuộc Tổng công ty.

✦ **Trung tâm Bảo hành**

Trung tâm Bảo hành là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty, thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện công tác bảo hành, sửa chữa toàn bộ các thiết bị điện tử: Thiết bị mạng truyền hình cáp, thiết bị đầu thu số SD/HD, Modem Internet và các thiết bị điện tử khác trong quá trình hoạt động của Tổng công ty.

✦ **Trung tâm Viễn Thông và Kiểm soát chất lượng hạ tầng mạng**

Trung tâm Viễn Thông và Kiểm soát Chất lượng hạ tầng mạng là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam, có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc xây dựng và phát triển hạ tầng và các dịch vụ viễn thông; Kiểm soát chất lượng hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ.

✦ **Trung tâm Phát triển Dịch vụ nội dung Số**

Trung tâm Phát triển dịch vụ nội dung số là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng Công ty thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc xây dựng chiến lược, định hướng, triển khai công tác phát triển các công nghệ, dịch vụ nội dung số của Tổng Công ty.

✦ **Trung tâm Kỹ thuật Sản xuất chương trình**

Trung tâm Kỹ thuật Sản xuất chương trình là đơn vị chuyên môn trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam thực hiện chức năng quản lý và khai thác hệ thống kỹ thuật sản xuất chương trình; Tham mưu giúp Ban Lãnh đạo Tổng Công ty xây dựng định hướng phát triển công nghệ sản xuất chương trình.

✦ **Trung tâm Sản xuất Nội dung Thể thao**

Trung tâm Sản xuất Nội dung Thể thao là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam thực hiện chức năng sản xuất các nội dung thể thao cung cấp trên đa nền tảng theo chiến lược phát triển của Tổng Công ty.

✦ **Chi nhánh số 5**

Là đơn vị trực thuộc Tổng công ty; có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây lắp hệ thống mạng trực chính hệ thống mạng truyền hình cáp thuộc Tổng công ty; Thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành và bảo trì – sửa chữa mạng cáp quang thuộc Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam theo đúng quyết định phân cấp quản lý.

✦ **Các chi nhánh trực thuộc**

Bao gồm các chi nhánh trực thuộc ở Hà Nội, khu vực các miền Bắc, Trung, Nam. Các đơn vị này có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh dịch vụ đã được Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt về hệ thống truyền hình trả tiền, dịch vụ truy nhập Internet (ISP), các dịch vụ gia tăng khác trên địa bàn, các địa phương và với các đối tác hợp tác thuộc khu vực được phân cấp quản lý kinh doanh theo các quy định hiện hành của Nhà nước, của Đài Truyền hình Việt Nam và của Tổng công ty.

✦ **Các đơn vị hợp tác liên doanh**

Các đơn vị hợp tác liên doanh, các công ty con và công ty liên kết được hình thành từ nguồn vốn góp của Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam và của các đối tác theo mô hình quản lý Công ty mẹ - Công ty con. Quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con là quan hệ bình đẳng của những pháp nhân độc lập. Trên cơ sở quyền và nghĩa vụ của công ty mẹ và các công ty con, công ty mẹ quản lý và điều hành các công ty con bằng 3 cơ chế chính thông qua bộ máy điều hành của công ty mẹ là: quản lý tài chính; quản lý kinh doanh; quản lý hành chính tổ chức; Việc điều hành của Công ty mẹ VTCab trên cơ sở tỉ lệ vốn sở hữu và một phần từ uy tín, sức mạnh vốn có của Công ty mẹ thông qua các người đại diện của Công ty mẹ. Quan

hệ giữa Công ty mẹ với các Công ty con và giữa các công ty con với nhau là quan hệ bình đẳng, tôn trọng lợi ích của nhau; Công ty mẹ VTVcab có quyền rút vốn hoặc đầu tư thêm vào công ty con theo quy định của luật pháp, có quyền lựa chọn các đối tác cùng tham gia thực hiện sản xuất kinh doanh mà không phụ thuộc vào công ty con; Công ty mẹ có nhiệm vụ quản lý tập trung và thống nhất về thị trường, sản phẩm, thực hiện định hướng đầu tư có hiệu quả, sử dụng quỹ đầu tư phát triển để đổi mới trang thiết bị và công nghệ. Công ty mẹ chỉ đạo các công ty con thông qua các đơn hàng, hợp đồng kinh tế, đồng thời tổ chức phối hợp giữa các công ty con với nhau để thực hiện hợp đồng, nhiệm vụ được giao.

⚡ **Các đơn vị trực thuộc Tổng công ty**

TT	Tên Đơn vị	Địa điểm kinh doanh (Trụ sở VP)	Vốn CN (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Chi nhánh 1	Số 2, lô B1, ngõ 118 Nguyễn Khánh Toàn, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	100%
2	Chi nhánh 2	Lô 16, Khu BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	100%
3	Chi nhánh 3	Lô 34, khu E, Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	100%
4	Chi nhánh 4	Số 10, ngõ 69, Xuân La, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	100%
5	Chi nhánh 5	Số 844, đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	100%
6	Chi nhánh 6	Số 36 LK 20B- Khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	100%
7	Chi nhánh Vĩnh Phúc	Số nhà 57, Đường Bà Triệu, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	4.000.000.000	100%
8	Chi nhánh Bắc Kạn	Số 173, Tổ 5, Phường Chí Kiên, TX Bắc Kạn, Bắc Kạn	1.428.535.000	100%
9	Chi nhánh Điện Biên	Số 679, Tổ dân phố số 8 Phường Tân Thanh, Thành Phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên - Việt Nam	1.718.172.000	100%
10	Chi nhánh Hưng Yên	Số 8, Đường Đoàn Thị Điểm, Phường Lê Lợi, Thành Phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	6.169.272.043	100%
11	Chi nhánh Miền Trung	D1, Lô 15, Đại lộ Lenin, Thành phố Vinh, Nghệ An	5.358.184.573	100%
12	Chi nhánh Khánh Hòa	Số 4 Lê Hồng Phong, phường Phước Hải, Tp Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	13.922.443.000	100%
13	Chi nhánh TP.HCM	18 Huỳnh Lan Khanh, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	13.308.408.420	100%
14	Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	565A Nguyễn An Ninh, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam	28.069.363.635	100%
15	Chi nhánh Lai Châu	Số 311, đường Trần Phú phường Tân Phong, Thành Phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam	881.986.474	100%
16	Chi nhánh Hà Giang	Số 159, đường 20/8, tổ 3, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, Việt Nam	2.605.138.390	100%
17	Chi nhánh Cần Thơ	122 Lý Tự Trọng, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	23.991.275.065	100%

TT	Tên Đơn vị	Địa điểm kinh doanh (Trụ sở VP)	Vốn CN (đồng)	Tỷ lệ (%)
18	Chi nhánh Tiền Giang	Số 98 đường Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	16.186.312.446	100%
19	Chi nhánh Bạc Liêu	05 Lô B, Đường Ngô Quang Nhã, khóm 6, phường 1, TP.Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	4.229.413.000	100%
20	Chi nhánh Bình Phước	Số 79 đường Nơ Trang Long, khu trung tâm thương mại Đồng Xoài, Phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	3.869.154.000	100%
21	Chi nhánh Đồng Nai	Số 159, đường Đồng Khởi, KP6, phường Tam Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	15.943.780.000	100%
22	Chi nhánh Lào Cai	Số nhà 009 đường Hoàng Hoa Thám, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	6.050.439.384	100%
23	Chi nhánh Bình Thuận	Số 161 Thủ Khoa Huân, phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	7.713.758.670	100%
24	Chi nhánh Ninh Thuận	Số 310, Đường Ngô Gia Tự, Phường Tấn Tài, Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	5.340.191.622	100%
25	Chi nhánh An Giang	Số 10/5 đường Châu Văn Liêm, Phường Mỹ Bình, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	12.861.518.070	100%
26	Chi nhánh Đồng Tháp	Số 48, Lê Anh Xuân, Phường 2, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	0	100%
27	Chi nhánh Trà Vinh	Số 41 Phan Đình Phùng, phường 6, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam	0	100%
28	Chi nhánh Bến Tre	Số 54D đường Nguyễn Văn Tư, phường 7, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam	0	100%
29	Chi nhánh Huế	Số 02 Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Ninh, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	0	100%
30	Chi nhánh Sóc Trăng	Số 94 Nguyễn Trung Trực, phường 2, TP Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	0	100%
31	Chi nhánh Hậu Giang	Số 01 Hoàng Hoa Thám, khu vực 2, Phường I, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	7.242.564.842	100%
32	Trung tâm truyền hình khách sạn	844 đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội	0	100%
33	Chi nhánh Quảng Nam	90 Trương Chí Cương, phường Hòa Thuận, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	0	100%
34	Chi nhánh Quảng Ninh	Ô 6/A12, khu Tự Xây, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	0	100%
35	Chi nhánh Kiên Giang (*)	Lô H nền 2, đường Trần Hưng Đạo, khu phố Ba Hòn, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	0	100%
II	Chi nhánh hợp tác do VTVcab điều hành			
1	Chi nhánh 8	Số 844, đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	51%

TT	Tên Đơn vị	Địa điểm kinh doanh (Trụ sở VP)	Vốn CN (đồng)	Tỷ lệ (%)
2	Chi nhánh 9	Ô 21 + 21a, Lô D khu Đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	51%
3	Chi nhánh 10	Số 844, đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	51%
4	Chi nhánh Thái Nguyên	Số 1, đường Quyết Tiến, phường Trưng Vương, Thành Phố Thái Nguyên, Việt Nam	945.000.000	31,5%
5	Chi nhánh Thanh Hóa	Lô 29, Khu liên kề, đường Bà Triệu, Phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	2.100.000.000	52,5%
6	Chi nhánh 11	Số 844, đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	51%
7	Chi nhánh Phú Thọ	Số 1123, Đường Hùng Vương, Phường Tiên Cát, Thành Phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	2.100.000.000	52,5%
8	Chi nhánh Bắc Giang	Số 24, đường Nguyễn Văn Mẫn, Phường Trần Phú, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	2.375.432.398	35%
9	Chi nhánh Bình Dương	Số 5A, Đường tổ 8, Khu phố Tân Hòa, Phường Đông Hòa, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	0	50%
10	Chi nhánh Ninh Bình	Đường Xuân Thành. Phường Tân Thành, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	2.796.005.099	60%
11	Chi nhánh Phú Quốc	Số 291 đường Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99.100.738	5%
12	Chi nhánh Quảng Trị	Số 75A Quốc lộ 9, Phường 5, Thành Phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	0	5%
13	Chi nhánh Đà Nẵng (*)	Số 58 đường Hàm Nghi, phường Thạc Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng	0	0%
14	Chi nhánh Cà Mau (*)	Số 220, đường Tôn Đức Thắng, khóm 4, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau		
15	Chi nhánh Long An	Số 13, đường Trương Văn Bang, P2, Tp Tân An, Long An, Việt Nam		
16	Chi nhánh số 2 tại TP HCM (*)	Số 93/22 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.		
17	Chi nhánh 12 (*)	Lô 67, khu D3, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam		
18	Chi nhánh Đắk Lắk (*)	Số 156 đường Hà Huy Tập, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	0	0%

(*) Mới thành lập trong năm 2017

(Nguồn: Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam)

6. Tổng số lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Tổng số lao động có tên trong Tổng công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2015) là: 2.063 người với cơ cấu như sau:

Bảng 1: Danh sách lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ %
Tổng số lao động	2.063	100%
Trong đó:		
Phân theo trình độ		
– Trình độ đại học và trên đại học	884	42,85%
– Trình độ cao đẳng, trung cấp	894	43,34%
– Công nhân kỹ thuật	194	9,40%
– Lao động sơ cấp chưa qua đào tạo	91	4,41%
Phân theo tính chất hợp đồng lao động:		
– Lao động không xác định thời hạn	620	30,05%
– Lao động có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	1.416	68,64%
– Lao động thời vụ hoặc theo công việc có thời hạn dưới 12 tháng	20	0,97%
– Đối tượng không thuộc diện ký hợp đồng lao động	7	0,34%

(Nguồn: Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam)

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình Công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có và các quy định của pháp luật về lao động, chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần là 2.061 người (tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp), cụ thể như sau:

Bảng 2: Cơ cấu lao động dự kiến chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần

TT	NỘI DUNG	TỔNG
I	Tổng số lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	2.063
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	7
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	2.056
	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	620
	b) Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	1.416
	c) Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	20
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động Công ty	
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	2
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	2
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động, chia ra:	0
	➢ Hết hạn hợp đồng lao động	0
	➢ Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động	0
	➢ Chấm dứt HĐLĐ với lý do khác theo quy định của pháp luật	0
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	0
	a) Số lao động dôi dư	0

TT	NỘI DUNG	TỔNG
	b) Số lao động phải chấm dứt HĐLĐ và trả trợ cấp mất việc làm	0
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	2.061
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	2.054
2	Số lao động nghỉ theo ba chế độ bảo hiểm xã hội, chia ra:	35
	a) Ốm đau	0
	b) Thai sản	35
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0
3	Số lao động đang tạm hoãn hợp đồng lao động	1
	a) Nghĩa vụ quân sự	0
	b) Nghĩa vụ công dân khác	1
	c) Bị tạm giam, tạm giữ	0
	d) Do hai bên thoả thuận (không quá 03 tháng)	0

(Nguồn: Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam)

7. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

Theo Quyết định số 713/QĐ – THVN ngày 25/05/2017 của Tổng Giám đốc Đài truyền hình Việt Nam về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam thuộc Đài truyền hình Việt Nam, giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2015 của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam là: **7.900.989.726.162 đồng** (Bằng chữ: Bảy nghìn chín trăm tỷ chín trăm tám mươi chín triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi hai đồng).

Trong đó:

- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là: **6.350.280.000.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu nghìn ba trăm năm mươi tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng)

Bảng 3: Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1. Vốn nhà nước	450.810.762.757	6.350.280.000.000	5.899.469.237.243
2. Nợ phải trả	1.550.709.726.162	1.550.709.726.162	-
3. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
4. Giá trị doanh nghiệp (4=1+2+3)	2.001.520.488.919	7.900.989.726.162	5.899.469.237.243

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam)

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

8.1. Tình hình đất đai

Bảng 4: Tình hình đất đai trước cổ phần hóa

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Hà Nội)

Tên tài sản/cơ sở đất	Địa điểm	Diện tích đất (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức	Hồ sơ pháp lý
0.02 Lô B Chung cư 27 Nguyễn Văn Dung, Phường 6, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh	0.02 Lô B Chung cư 27 Nguyễn Văn Dung, Phường 6, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh	173	Văn phòng, Trụ sở làm việc	Thuê đất có trả tiền thuê đất hàng năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường TP Hồ Chí Minh cấp ngày 16/2/2012
Số 3, dãy B 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội	Số 3, dãy B 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội	69,7	Văn phòng, Trụ sở làm việc	Thuê đất có trả tiền thuê đất hàng năm	Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 009467 ký giữa Công ty TNHH TM-XD-KD nhà Thanh Nhựt và Công ty TNHH một thành viên Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam ngày 10/09/2013.
TỔ dân phố Bãi Giếng Nam, Thị trấn Cam Đức, Huyện Cam Lâm, Khánh Hòa	Tổ dân phố Bãi Giếng Nam, Thị trấn Cam Đức, Huyện Cam Lâm, Khánh Hòa	93	Văn phòng, Trụ sở làm việc	Thuê đất có trả tiền thuê đất hàng năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 24/10/2012, số vào sổ cấp GCN: CT01471 Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ký giữa Công ty cổ phần điện tử - ảnh màu Nha Trang và Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam ngày 26/06/2014
TỔNG CỘNG		333,7			

Trong đó:

- Tại địa chỉ: 0.02 Lô B Chung cư 27 Nguyễn Văn Dung, Phường 6, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh.

+ Hiện trạng của Chung cư:

- Kết cấu: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT
- Số tầng: 12

- Diện tích căn hộ: 173 m²
- + Hiện trạng sử dụng: Căn hộ đang được sử dụng làm Văn Phòng Call Center đại diện phía Nam của Trung tâm Dịch vụ khách hàng để thực hiện công tác tiếp nhận và xử lý thông tin khách hàng khu vực phía Nam.
- + Nguồn gốc, quá trình sử dụng của Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam: Kể từ ngày 10/9/2013, Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam đã ký hợp đồng mua bán căn hộ với Công ty TNHH Thương mại xây dựng kinh doanh nhà Thanh Nhựt, kể từ khi ký hợp đồng mua bán đến ngày 25/12/2013 Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam nhận bàn giao căn hộ và đưa vào sử dụng làm Văn Phòng Call Center khu vực phía Nam cho đến nay.
- **Địa chỉ số 2: Số 3, dãy B 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội.**
 - + Hiện trạng của khu đất
 - Kết cấu: Bê tông
 - Số tầng: 03
 - Diện tích căn hộ: 69,70 m² (tổng diện tích sử dụng là 195,6m²)
 - + Hiện trạng sử dụng: Căn nhà hiện nay tầng 1 được sử dụng làm Showroom giới thiệu sản phẩm công nghệ truyền hình trả tiền, tầng 2, tầng 3 của căn nhà được sử dụng làm Văn Phòng làm việc của các đơn vị và một phần được sử dụng làm kho chứa tài liệu của Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam.
 - + Nguồn gốc: Ngày 4/12/2012 Tổng công Ty đã ký kết Hợp đồng mua bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Ông Nguyễn Xuân Minh và vợ là Bà Nguyễn Thanh Hương cả hai có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 10 Nhà Hòa, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội với mảnh đất và căn nhà trên đất đó: Số 3 dãy B 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Tp Hà Nội.
- **Địa chỉ số 3 tại Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa: Tổ dân phố Bãi Giếng Nam, Thị trấn Cam Đức, Huyện Cam Lâm, Khánh Hòa.**
 - + Hiện trạng của khu đất
 - Kết cấu: Tường gạch, mái tôn, nền gạch men
 - Số tầng: 1 tầng (nhà cấp 4)
 - Diện tích căn nhà: 93m²
 - + Hiện trạng sử dụng: Căn nhà hiện nay sử dụng làm Văn Phòng đại diện của Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam tại Khánh Hòa.
 - + Nguồn gốc, quá trình sử dụng của Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam: Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần điện tử ảnh màu Nha Trang được ký tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất kể từ ngày 01/03/2014. Sau khi tiếp nhận căn nhà Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam bố trí làm trụ sở giao dịch cho Chi nhánh VTVcab tại Khánh

8.2. Thực trạng tài sản cố định

Bảng 5: Danh mục tài sản của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam tại 31/12/2015

Đơn vị tính: Đồng

STT	Danh mục tài sản	Giá trị còn lại của tài sản	Cơ cấu tài sản (%)
I	Tài sản cố định đầu tư dài hạn	1.265.505.870.331	63,23%
1	Tài sản cố định	550.954.943.853	27,53%
A	Nhà cửa vật kiến trúc	24.030.269.042	1,20%
B	Máy móc, thiết bị	480.494.535.686	24,01%
C	Phương tiện vận tải	3.665.884.250	0,18%
D	Tài sản khác	16.330.215.160	0,82%
E	Tài sản cố định vô hình	26.434.039.715	1,32%
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	156.343.920.740	7,81%
3	Đầu tư dài hạn khác	188.015.881.100	9,39%
4	Tài sản dài hạn khác	340.836.293.758	17,03%
5	Phải thu dài hạn khác	29.354.830.880	1,47%
II	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	736.014.618.588	36,77%
1	Vốn bằng tiền	82.495.098.843	4,12%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.500.000.000	0,12%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	276.517.684.933	13,82%
4	Vật tư hàng hóa tồn kho	319.853.135.602	15,98%
5	Tài sản ngắn hạn khác	54.648.699.210	2,73%
	Tổng giá trị tài sản (I+II)	2.001.520.488.919	100%

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp VTV cab)

9. Chủ sở hữu Công ty và Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh của Công ty

9.1. Chủ sở hữu Công ty

Đài truyền hình Việt Nam là Chủ sở hữu, nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam.

9.2. Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh:

9.2.1. Công ty con

TT	Đơn vị	Địa chỉ	Vốn đầu tư (Đồng)	Vốn điều lệ (Đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Công nghệ Việt Thành	Tầng trệt, tòa nhà Indochina số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đakao, quận 1, TP HCM	144.683.588.788	42.000.000.000	51%
2	Công ty CP Truyền hình Tương tác VN	Số 89 Giang Văn Minh, P.Đội Cấn, Q.Ba Đình, HN	16.320.000.000	32.000.000.000	51%
3	Công ty cổ phần phát triển thể thao VTVcab (VTVcab sport JSC)(*)	Số 17, Lô 12B đường Trung Yên 10, P Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP HN	1.002.000.000	1.002.000.000	50,1%

(*) Mới thành lập trong năm 2017

(Nguồn: Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam)

9.2.2. Công ty liên danh, liên kết

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề chính	Vốn góp (Đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần VTVcab Nam Định	Nam Định	Dịch vụ truyền hình	8.203.340.000	39%
2	Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ truyền hình	111.275.000.000	25%
3	Công ty Cổ phần Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện	Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo	18.000.000.000	20%
4	Công ty Cổ phần Truyền thông ON + (*)	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	3.600.000.000	36%

(*) Mới thành lập trong năm 2017

(Nguồn: Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam)

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 04 năm trước khi cổ phần hóa

10.1. Số lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Tổng Công ty Truyền hình cấp Việt Nam là doanh nghiệp nhà nước hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ truyền hình trả tiền. Trong 04 năm từ năm 2013 đến năm 2016, VTVcab đã có sự phát triển vượt bậc về chất lượng cũng như phát triển thuê bao, chiếm lĩnh thị trường trên toàn quốc, trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền hàng đầu Việt Nam. Hiện VTVcab có hơn 70 chi nhánh, đơn vị hợp tác và cung cấp dịch vụ truyền hình tại hơn 50 tỉnh thành khắp cả nước với khoảng 2,5 triệu thuê bao trên toàn quốc, cụ thể:

Bảng 6: Số lượng thuê bao VTVcab giai đoạn năm 2014 – 2016

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Analog + Hd new	Thuê bao	1.724.054	1.666.416	1.731.644
2	HD + Full HD	Thuê bao	132.208	239.163	314.118
3	Bán BQ	Thuê bao	230.869	230.869	214.646
4	PP chung	Thuê bao	227.301	207.297	206.902
5	Internet	Thuê bao	21.250	61.431	99.808
Tổng số thuê bao			2.335.682	2.405.176	2.567.118

(Nguồn: Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam)

+ Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ công ty mẹ giai đoạn 2014 – 09 tháng đầu năm 2017

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ công ty mẹ giai đoạn 2014 – 09 đầu năm 2017

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		09 tháng đầu năm 2017	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %

Dịch vụ truyền hình (Cáp, net, HD, K+)	1.123.178	64,19	1.211.865	65,95	1.359.517	66,49	992.104	62,35
Quảng cáo, bản quyền, truyền dẫn, XHH	431.526	24,66	588.102	32,01	659.689	32,26	569.967	35,82
Bán hàng Hóa	195.082	11,15	19.944	1,09	9.512	0,47	15.716	0,99
Dịch vụ khác	0	0	17.512	0,95	16.324	0,8	13.445	0,84
Tổng cộng	1.749.786	100	1.837.423	100	2.045.042	100	1.591.233	100

(Nguồn: Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam)

+ Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất giai đoạn 2014 – 2016

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất giai đoạn 2014 – 2016

Khoản mục	2014		2015		2016	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
Dịch vụ truyền hình (Cáp, net, HD, K+)	1.332.692	68%	1.373.628	68%	1.427.611	67%
Quảng cáo, bản quyền, truyền dẫn, XHH	428.264	22%	581.154	29%	656.482	31%
Bán hàng Hóa	195.671	10%	21.241	1%	2.958	0%
Dịch vụ khác	12.668	1%	40.602	2%	57.010	3%
Tổng cộng	1.969.296	100%	2.016.625	100%	2.144.061	100%

(Nguồn: Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam)

10.2. Nguyên vật liệu

❖ Nguyên vật liệu

VTVcab hoạt động trên lĩnh vực truyền thông bao gồm truyền hình trả tiền, dịch vụ internet, quảng cáo,... Đặc thù hệ thống cung cấp dịch vụ của VTVcab là truyền dẫn tín hiệu hữu tuyến. Điều này có nghĩa là tất cả khách hàng khi sử dụng dịch vụ của VTVcab đều có một phương thức kết nối bằng dây cáp đến điểm cung cấp dịch vụ. VTVcab chỉ sử dụng 2 loại cáp để cung cấp dịch vụ là cáp đồng trục và cáp quang. VTVcab đã xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng từ trung tâm thu phát đến tận nhà khách hàng sử dụng dịch vụ. Hệ thống cơ sở hạ tầng gồm ba phần chính: hệ thống kỹ thuật sản xuất chương trình; hệ thống xử lý và phân phối tín hiệu; hệ thống truyền dẫn tín hiệu.

– Hệ thống sản xuất chương trình:

Là hệ thống tạo ra các chương trình truyền hình, chương trình ca nhạc, phim ... tạo ra nội dung trên các kênh truyền hình. Sản xuất chương trình bao gồm các công đoạn: ghi hình, dựng hình, biên tập. Sản phẩm của hệ thống sản xuất chương trình là các chương trình truyền hình hoàn thiện theo các quy định của Đài THVN về nội dung, hình thức, chất lượng kỹ thuật. Các chương trình này sẽ được lưu tại hệ thống lưu trữ trung tâm để phân phối đến các kênh truyền hình tương ứng với lịch phát sóng.

Thiết bị, Phần mềm	Mô tả chức năng
---------------------------	------------------------

Thiết bị, Phần mềm	Mô tả chức năng
Hệ thống lưu trữ Mediagrid 4.000	Hệ thống lưu trữ 334 TB với băng thông 3.000MB có chức năng lưu trữ tập trung các file media, audio phục vụ cho sản xuất. Đáp ứng được nhu cầu lưu trữ, dựng trực tiếp trên bộ lưu trữ.
Hệ thống MAM Vizrt One.	Hệ thống MAM có nhiệm vụ quản lý tài nguyên media, quản lý các quy trình, luồng công việc truy xuất NAS một cách thống nhất và hiệu quả. Tích hợp sâu với các khối khác như khối newsroom, NLE, Graphic, Studio.
Hệ thống Router SDI NVISION8144	Là hệ thống chuyển mạch SDI hỗ trợ 144x144 tín hiệu vào ra, là hệ thống chuyển mạch tập trung để có thể kiểm soát tín hiệu vào ra, phân phối các đường tín hiệu đến các hệ thống khác như: phòng đọc, phòng studio, phát sóng... một cách linh động, dễ dàng và tránh nhầm lẫn.
Hệ thống Multivew Grass Valley 48x4	Hệ thống giám sát tín hiệu vào ra. Hỗ trợ 48 tín hiệu input và 4 tín hiệu output. Thông qua bộ chuyển điều khiển Remote có thể dễ dàng thay đổi layout hiển thị. Hỗ trợ chức năng cảnh báo cho từng nguồn tín hiệu.
Hệ thống intercom Clearcom	Hệ thống Intercom là hệ thống truyền thông nhanh chóng và tiện ích, có chức năng kết nối các phòng ban trong nội bộ trung tâm với nhau.
Hệ thống phòng đọc live	Hệ thống phòng đọc live thực hiện việc đọc các tín hiệu trực tiếp, các trận đấu thể thao.
Hệ thống truyền file tốc độ cao IBM/Aspera	Hệ thống truyền file từ hiện trường, sự kiện hay các giải thể thao trong nước và quốc tế cho hệ thống SXCT để kịp thời biên tập, chỉnh sửa.
Máy chủ lưu trữ đồ họa - Graphic Hub	Là hệ thống quản lý lưu trữ đồ họa tập trung
Máy trạm cho thiết kế đồ họa chuyên nghiệp (Adobe, C4D...)	Là máy trạm cài đặt các phần mềm thiết kế đồ họa chuyên nghiệp Adobe, C4D...
Máy trạm cho phần mềm thiết kế đồ họa Vizrt Artist	Là máy trạm cài đặt phần mềm thiết kế đồ họa chuyên nghiệp của hãng Vizrt.
Máy chủ chạy đồ họa camera ảo	Máy chủ thực hiện chức năng render đồ họa ảo. Phục vụ cho làm đồ họa 3D, đồ họa ảo cho trường quay.
Máy chủ chạy đồ họa	Máy chủ thực hiện render đồ họa phục vụ cho việc thể hiện đồ họa ở trường quay.
Máy trạm điều khiển đồ họa, Videowall, Ticker	Máy chủ thực hiện điều khiển chạy đồ họa, điều khiển videowall, đồ họa ticker.
Máy chủ chạy tin Ticker	Máy chủ thực hiện render đồ họa phục vụ cho việc thể hiện đồ họa Ticker.
Máy chủ chạy đồ họa Video Wall	Máy chủ thực hiện render tín hiệu hiển thị trên videowall.
Hệ thống phần mềm làm tin của hãng Octopus	Là hệ thống phần mềm làm tin chuyên nghiệp giúp đạo diễn biên tập dễ dàng tạo và quản lý các kịch bản bản tin
Bộ phần mềm làm tin: Adobe Premier, Adobe Audition	Phục vụ cho việc dựng tin, voiceover.

Thiết bị, Phần mềm	Mô tả chức năng
Hệ thống phần cứng datadasse, Agent server	Hệ thống core của bộ phận làm tin quản lý database và service kết nối hệ thống bên ngoài lấy dữ liệu.
Workstation và laptop cài đặt phần mềm làm tin	Phần cứng cài phần mềm làm tin cho người dùng.
Bộ phần mềm dựng chương trình: Adobe Premier, Adobe Audition, Adobe After effect, Adobe Media Encoder	Là các phần mềm dựng và chỉnh sửa video chuyên nghiệp. Cho phép tạo các hiệu ứng hình ảnh, âm thanh tạo ấn tượng đối với người xem. Là phần không thể thiếu trong một hệ thống sản xuất chương trình hiện đại.
Gồm các máy trạm cài đặt phần mềm và các phụ kiện chuyên dụng cần thiết như màn hình, Sound card, bàn phím, tai nghe kiểm âm.	Hệ thống phần cứng cài đặt phần mềm dựng và các phụ kiện để thực hiện việc dựng chương trình.
Camera trường quay	Camera thực hiện ghi hình trong trường quay. Camera có chân cố định, có chất lượng hình ảnh cao, góc quay rộng. Được thiết kế cho trường quay không gian hẹp, cần phải lấy góc quay rộng.
Camcoder ENG lưu động	Camera ghi hình lưu động, dễ dàng di chuyển trong trường quay để tìm được góc quay tối ưu, thể hiện đúng ý đồ của đạo diễn.
Camcoder cầm tay	Camera cho sản xuất lưu động với tiêu chí nhỏ gọn linh động. Sử dụng với mục đích quay những khung hình linh hoạt với chất lượng ghi hình không cao nhưng có giá trị về tư liệu.
Hệ thống đèn	Hệ thống đèn trường quay, với nhiều loại đèn phục vụ cho nhiều concept khác nhau. Hệ thống cho phép chủ động về ánh sáng đến đối tượng quay, đúng theo yêu cầu của đạo diễn, đảm bảo chất lượng hình ảnh.
Hệ thống Multiview	Hệ thống multiview giám sát cho trường quay. Cho phép đạo diễn giám sát chi tiết từng hạng mục trên trường quay, điều chỉnh các đối tượng quay, nhân vật quay để thể đúng ý đồ của kịch bản.

Hệ thống xử lý và phân phối tín hiệu:

Trên cơ sở nguồn là các chương trình truyền hình đã mua bản quyền, các chương trình trên hệ thống lưu trữ, nguồn cấp băng thông internet, hệ thống xử lý và phân phối tín hiệu thực hiện hoạt động điều chỉnh thông số kỹ thuật của tín hiệu, cấp tín hiệu đến đúng tuyến truyền dẫn theo quy định, yêu cầu cung cấp dịch vụ của Tổng công ty.

- + Truyền hình: Xử lý tín hiệu các kênh truyền hình trên hệ thống của VTCab. Đầu ra của hệ thống là các kênh chương trình truyền hình đủ điều kiện truyền dẫn đến khách hàng sử dụng dịch vụ truyền hình trả tiền.

Hạng mục	Tên thiết bị	Mô tả hoạt động của thiết bị
Khôi lưu trữ	Server lưu trữ Near Line Server lưu trữ Off Line	Lưu trữ các chương trình truyền hình hoàn thiện, các clip quảng cáo để cấp cho khối phát sóng.

Hạng mục	Tên thiết bị	Mô tả hoạt động của thiết bị
Khối phát sóng	Server phát sóng Automation phát sóng. Các thiết bị kết nối	Ghép nhiều chương trình truyền hình thành một kênh truyền hình. Một server có thể phát nhiều kênh chương trình. Thứ tự các chương trình truyền hình trên một kênh chương trình được thiết lập trong list phát sóng.
Khối thu tín hiệu từ các nguồn bên ngoài	Thiết bị thu tín hiệu vệ tinh Thiết bị thu tín hiệu quang Thiết bị thu tín hiệu internet	Tiếp nhận các kênh chương trình từ các nguồn bên ngoài Đài THVN cấp đến VTVcab để truyền dẫn trên hệ thống truyền hình cáp của VTVcab.
Khối xử lý tín hiệu truyền hình	Encoder Mux Các thiết bị kết nối	Điều chỉnh tốc độ bit của kênh chương trình truyền hình đến đúng tốc độ theo thiết kế. Ghép nhiều chương trình truyền hình vào một khung tín hiệu để phục vụ truyền dẫn. Số lượng chương trình truyền hình trong một khung tín hiệu phụ thuộc vào nội dung và độ nét của chương trình Khoá mã tín hiệu truyền hình để đảm bảo việc quản lý quyền xem chương trình
Khối điều chế tín hiệu	Điều chế tín hiệu truyền hình tương tự Điều chế tín hiệu truyền hình số	Chuyển đổi từ tín hiệu truyền hình băng gốc thành tín hiệu cao tần phù hợp với hệ thống truyền dẫn. Các loại điều chế phải đảm bảo tuân thủ theo các quy chuẩn của truyền hình Việt Nam
Khối quản lý quyền xem chương trình	Server quản lý quyền xem chương trình. Phần mềm quản lý quyền xem chương trình	Xác nhận quyền xem chương trình truyền hình đối với từng thiết bị thu tại nhà khách hàng theo quy định của Tổng Công ty. Chỉ những thiết bị được cấp quyền mới có khả năng thu xem tín hiệu.

+ Internet:

Tên thiết bị	Mô tả tính năng
CMTS	Sử dụng tiêu chuẩn DOCSIS. Chuyển đổi tín hiệu theo chuẩn IP sang tín hiệu cao tần cấp đến khách hàng sử dụng dịch vụ. Tiếp nhận tín hiệu từ khách hàng để xử lý và gửi đến đúng địa chỉ theo yêu cầu.
OLT	Sử dụng tiêu chuẩn GPON Chuyển đổi tín hiệu theo chuẩn IP sang tín hiệu quang đến khách hàng sử dụng dịch vụ Tiếp nhận tín hiệu từ khách hàng để xử lý và gửi đến đúng địa chỉ theo yêu cầu.
Chuyển mạch	Định hướng kết nối đến nhà cung cấp dịch vụ truy cập internet trong nước và quốc tế
Hệ thống xác nhận dịch vụ	Quản lý băng thông, quyền kết nối vào hệ thống của khách hàng

- **Hệ thống truyền dẫn:**

Tín hiệu truyền hình, internet sau khi được điều chế lên tần số cao theo quy hoạch tần số của VTVcab sẽ được đưa vào hệ thống truyền dẫn để cấp đến khách hàng sử dụng dịch vụ. Toàn bộ các kênh truyền hình tương tự, truyền hình số, internet đều được truyền trên một sợi cáp duy nhất đến khách hàng. Hệ thống truyền dẫn chia làm 2 phần chính: mạng truyền

dẫn trực chính và mạng truyền dẫn tại nhà khách hàng.

- + Mạng truyền dẫn trực chính: VTVcab thực hiện đầu tư, xây lắp toàn bộ mạng truyền dẫn trực chính. Địa điểm lắp đặt mạng trực chính là trên các trục đường phố tại địa phương. Mạng trực chính sử dụng hai loại công nghệ là mạng HFC và GPON.

Tên thiết bị	Mô tả tính năng
Máy phát quang	Chuyển đổi tín hiệu điện tử cao tần thành tín hiệu quang
Máy thu quang chiều về	Chiều đổi tín hiệu internet quang thành tín hiệu điện tử cao tần cấp đến CMTS
Máy thu quang chiều đi	Chiều đổi tín hiệu quang thành tín hiệu điện tử cao tần. Thiết bị được lắp tại headend địa phương, hub.
Node quang	Chuyển đổi tín hiệu quang thành tín hiệu điện tử cao tần. Thiết bị được trên mạng cáp trực chính ngoài trời
Cáp quang trực chính, gồm các loại cáp 12, 24, 36, 48, 96 sợi. Có các loại cáp có dây gia cường, cáp phi kim loại treo trực tiếp, cáp chôn ngầm.	Truyền dẫn tín hiệu quang, cho phép kết nối giữa headend, hub với node quang, thiết bị phân phối quang.
Thiết bị phân phối quang	Phân chia tín hiệu quang đến các điểm kết nối theo thiết kế.
Thiết bị phân phối điện tử. Bao gồm các loại tap, chia outdoor	Phân chia tín hiệu cao tần đến các điểm kết nối theo thiết kế. Được lắp đặt ngoài trời.
Khuếch đại cao tần	Bù đắp phần tín hiệu cao tần bị suy hao trong quá trình truyền dẫn trên cáp đồng trục.
Cáp đồng trục trực chính, gồm cáp QR540, cáp RG11	Truyền dẫn tín hiệu điện tử cao tần giữa node quang, khuếch đại, thiết bị phân chia.
Các loại connector	Kết nối giữa cáp quang, cáp đồng trục với thiết bị phân chia, node quang, khuếch đại ...

- + Mạng truyền dẫn trong nhà khách hàng: Đây là phần thiết bị được VTVcab bán cho khách hàng sử dụng dịch vụ. Các thiết bị này cho phép kết nối từ thiết bị thu xem, sử dụng dịch vụ trong nhà khách hàng đến mạng truyền dẫn trực chính của VTVcab ngoài đường.

Tên thiết bị	Mô tả tính năng
Cáp đồng trục RG6	Truyền dẫn tín hiệu điện tử cao tần từ bộ tap outdoor đến thiết bị trong nhà khách hàng
Chia indoor các loại	Phân phối tín hiệu điện tử cao tần trong nhà khách hàng
Khuếch đại indoor	Bù đắp phần tín hiệu điện tử cao tần bị suy hao trong quá trình truyền dẫn.
Cáp quang thuê bao	Truyền dẫn tín hiệu quang từ hộp phân phối quang đến thiết bị thu trong nhà khách hàng
STB truyền hình số	Giải mã tín hiệu truyền hình số để cấp đến thiết bị thu của khách hàng. VTVcab quản lý đến từng STB để giám sát quyền xem chương trình
Modem Docsis	Chuyển đổi tín hiệu internet cao tần thành tín hiệu internet IP để khách hàng sử dụng dịch vụ. Sử dụng tiêu chuẩn Docsis
ONU	Chuyển đổi tín hiệu internet quang thành tín hiệu IP để khách hàng sử dụng dịch vụ. Sử dụng tiêu chuẩn GPON

❖ **Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu**

Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam là đơn vị kinh doanh trên các lĩnh vực: truyền

hình trả tiền, viễn thông, truyền thông. Trong lĩnh vực truyền hình trả tiền, nguồn nguyên liệu chính là nội dung chương trình truyền hình, bản quyền kênh chương trình truyền hình, bản quyền nội dung (như giải thể thao, phim,...). Để cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền đến được khách hàng, VTVcab xây dựng, vận hành hệ thống truyền dẫn. Nguyên vật liệu chính là hệ thống thiết bị trung tâm (headend), hệ thống truyền dẫn (bao gồm mạng cáp quang, mạng cáp đồng trục, thiết bị node quang, khuếch đại, thiết bị phân chia, cáp thuê bao), thiết bị thu tín hiệu tại điểm cung cấp đến khách hàng.

Trong lĩnh vực viễn thông, VTVcab cung cấp dịch vụ kết nối internet. Nguyên liệu chủ yếu là băng thông kết nối đến hệ thống internet trong nước và quốc tế.

Trong lĩnh vực truyền thông, VTVcab cung cấp dịch vụ quảng cáo, tổ chức sự kiện.

10.3. Chi phí sản xuất kinh doanh

– Chi phí sản xuất kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 2014 – 09 tháng đầu năm 2017

Bảng 9: Chi phí sản xuất kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 2014 – 09 tháng đầu năm 2017

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		09 tháng đầu năm 2017	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ/ Tổng doanh thu (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ/ Tổng doanh thu (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ/ Tổng doanh thu (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ/ Tổng doanh thu (%)
Giá vốn hàng bán	1.181.603	66,62%	1.319.966	70,87%	1.465.821	70,90%	1.175.026	72,17%
Chi phí tài chính	23.424	1,32%	86.150	4,63%	38.945	1,88%	46.427	2,85%
Chi phí bán hàng	264.692	14,92%	168.172	9,03%	196.589	9,51%	143.516	8,81%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	214.837	12,11%	206.937	11,11%	283.161	13,70%	187.490	1,15%
Chi phí khác	4.514	0,25%	776	0,04%	838	0,04%	27.192	1,67%
Tổng chi phí	1.689.070	95,22%	1.782.001	95,68%	1.985.354	96,04%	1.410.910	86,66%

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2014, năm 2016 và BCTC riêng năm 2015 (điều chỉnh theo Báo cáo thẩm định của Kiểm toán nhà nước) và Báo cáo tài chính tổng hợp quý 3 năm 2017 của VTVcab)

Nhìn chung tổng chi phí chiếm tỷ lệ rất cao trên tổng doanh thu và tỷ lệ tổng chi phí trên tổng doanh thu tăng đều qua các năm. Tỷ lệ chi phí trên tổng doanh thu qua các năm 2014, 2015, 2016 quý III năm 2017 lần lượt là 95,22%, 95,68%, 96,04%, 86,66%. Chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ lệ cao nhất trong chi phí, bình quân khoảng 70,14% so với tổng doanh thu. Ngoài giá vốn hàng bán thì chi phí quản lý doanh nghiệp cũng chiếm tỷ lệ khá lớn và có xu hướng tăng dần qua các năm. Chi phí bán hàng chiếm tỷ lệ trung bình 10,57% trên tổng doanh thu, cá biệt năm 2014 chi phí bán hàng tăng cao bằng 14,92% tổng doanh thu Công

ty. Chi phí tài chính và chi phí khác cũng có sự biến động thay đổi qua các năm nhưng chiếm tỷ lệ không đáng kể trên tổng doanh thu Công ty.

- Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2014 – 2016

Bảng 10: Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2014 – 2016

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ/Tổng doanh thu (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ/Tổng doanh thu (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ/Tổng doanh thu (%)
Giá vốn hàng bán	1.280.482	64,16%	1.384.135	67,71%	1.488.564	69,20%
Chi phí tài chính	23.424	1,17%	86.151	4,21%	38.960	1,81%
Chi phí bán hàng	265.640	13,31%	169.325	8,28%	194.772	9,05%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	244.272	12,24%	234.501	11,47%	300.155	13,95%
Chi phí khác	8.963	0,45%	785	0,04%	868	0,04%
Tổng chi phí	1.822.781	91,33%	1.874.897	91,71%	2.023.319	94,05%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014, năm 2015 và năm 2016 của VTVcab)

10.4. Trình độ công nghệ

VTVcab là đơn vị hoạt động kinh doanh trên nền tảng kỹ thuật, nên việc lựa chọn đúng công nghệ có vai trò quan trọng đối với sự phát triển. VTVcab luôn áp dụng những công nghệ mới và tiên tiến nhất trên hệ thống hạ tầng kỹ thuật từ đó cung cấp đến khách hàng dịch vụ với chất lượng cao nhất. Với những giải pháp công nghệ đã đưa vào sử dụng, VTVcab đã khẳng định vị thế là đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình cáp số một tại Việt Nam. Hiện VTVcab đã có gần 2 triệu thuê bao truyền hình cáp trên cả nước, chiếm gần 30% tổng số thuê bao truyền hình trả tiền trên toàn quốc. Về cơ bản, công nghệ của VTVcab đã đáp ứng được 100% nhu cầu về sử dụng dịch vụ truyền hình trả tiền, 80% nhu cầu về dịch vụ internet của khách hàng tại Việt Nam. Hệ thống truyền hình trả tiền của VTVcab có đầy đủ các kênh truyền hình hay nhất với chất lượng HD, có số lượng kênh truyền hình nhiều nhất. Nguyên nhân khiến dịch vụ internet phần nào chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu của khách hàng là VTVcab đang trong quá trình chuyển đổi công nghệ truyền dẫn.

✦ **Đánh giá về trình độ công nghệ của VTVcab so với thế giới và của Đài Truyền hình Việt Nam.**

- **Hệ thống sản xuất chương trình**

+ *Hiện trạng công nghệ của thế giới*

Hiện nay cùng với việc phát triển mạnh về công nghệ truyền hình nói chung thì các công nghệ, quy trình áp dụng trong lĩnh vực sản xuất chương trình cũng đang phát triển và thay đổi rất nhanh. Việc chuyển từ sản xuất đơn lẻ các công đoạn chuyển hóa dần sang tích hợp quy chuẩn hóa tất cả các khâu, các quy trình. Dịch chuyển dần từ sản xuất HD sang 4K, 8K. Dưới đây là các xu hướng trên thế giới:

- o Sản xuất các nội dung HD, chuyển dịch dần sang 4K và tiến tới 8K.
- o Sử dụng các hệ thống làm tin nhanh, chuyên nghiệp (Newsroom).

- Sử dụng các hệ thống quản lý, thiết kế Graphic mạnh mẽ.
- Sử dụng các Studio hiện đại, áp dụng công nghệ đồ họa 3D, ảo hóa.
- Hệ thống PAM quản lý trung tâm, tích hợp các hệ thống đơn lẻ, quy trình hóa các khâu sản xuất.

+ *Hiện trạng của Đài THVN*

Đài THVN là đơn vị truyền hình lớn nhất cả nước, sản xuất các chương trình lớn về số lượng cũng như quy mô. Là một đơn vị mạnh dạn đầu tư các công nghệ mới vì vậy hệ thống sản xuất của Đài THVN hiện là một trong những hệ thống hiện đại hàng đầu của Việt Nam và ngang bằng trên thế giới. Áp dụng những sản phẩm tốt, mới và hiện đại trên thế giới.

Hiện nay, hệ thống sản xuất chương trình của Đài THVN đang được xây dựng chia ra nhiều mảng do nhiều đơn vị quản lý trong đó có 2 bộ phận chính:

- Sản xuất tin tức: Hệ thống được đầu tư với hệ thống lõi là Avid + Orad. Đây được đánh giá là hệ thống mạnh trong sản xuất tin tức, thực hiện sản xuất tin nhanh và mạnh mẽ, áp dụng phương thức làm tin tiên tiến, đồ họa 3D, Virtual mạnh mẽ. Nhược điểm của hệ thống này là chưa có hệ thống tự động hóa trường quay dẫn đến vẫn cần nhiều nhân sự vận hành.
- Sản xuất chương trình: Hệ thống thực hiện từ công đoạn quay phim, tiền kỳ, hậu kỳ, phân phối, lưu trữ. Một hệ thống tổng thể xây dựng trên hệ thống lõi là Dalet tích hợp và quy trình hóa các khâu khác lại thành một quy trình công việc và quản lý xuyên suốt.

+ *Hiện trạng hệ thống sản xuất chương trình của VTVcab*

Hệ thống sản xuất chương trình mà VTVcab đang triển khai là một hệ thống tổng thể được xây dựng mới hoàn toàn dựa trên nền tảng của hãng Vizrt. Áp dụng các công nghệ mới, hiện đại đề cập ở đây là áp dụng quy trình sản xuất, quản lý bằng hệ thống phần mềm và áp dụng kỹ thuật xử lý đồ họa 2D, 3D thời gian thực (realtime 2D/3D) trong sản xuất trực tiếp tại Studio, xe màu (live production). Một hệ thống với những công nghệ hiện đại, tiên tiến ngang hàng với nhiều đài truyền hình trên thế giới như CNN, BBC, Sky Sports...

Trung tâm kỹ thuật sản xuất chương trình của VTVcab dùng giải pháp quản lý và quy trình sản xuất tổng thể đầy đủ các bộ phận, trong đó khối quản lý tập trung với hệ thống mạng Network core, PAM, Graphic storage sẽ là trung tâm của hệ thống, là nơi kết nối, quản lý lưu trữ và phân phối tài nguyên media và graphic với các khối chức năng khác trong hệ thống sản xuất chương trình cũng như hệ thống bên ngoài.

+ *Vị trí công nghệ của VTVcab so với thế giới, Đài THVN.*

VTV và VTVcab đang sở hữu hệ thống sản xuất chương trình với những công nghệ tiên tiến, hiện đại ngang bằng với nhiều đài truyền hình nổi tiếng trên thế giới. Tuy nhiên, do được xây dựng mới hoàn toàn nên VTVcab có được lợi thế hơn về một giải pháp tổng thể, đồng bộ hơn các quy trình sản xuất.

Ở Việt Nam, VTVcab là đơn vị truyền hình đầu tiên có hệ thống tự động hóa việc sản xuất chương trình tại trường quay giúp giảm chi phí nhân sự vận hành.

- Hệ thống xử lý và phân phối tín hiệu:

+ *Hiện trạng công nghệ của thế giới*

Hiện nay công nghệ phát sóng và truyền dẫn nhìn chung trên thế giới đã đi đến giai đoạn cuối của việc số hóa truyền hình. Hầu hết các nước Châu Âu, Châu Đại dương, Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc đã hoàn thành việc số hóa công nghệ truyền hình; trong khi đó phần lớn

các nước còn lại đang trong giai đoạn cuối của quá trình số hóa truyền hình.

Các công nghệ truyền dẫn và phát sóng truyền hình số đã được tiêu chuẩn hóa phổ biến như:

- Các tiêu chuẩn truyền hình DVB: sử dụng phổ biến ở Châu Âu và Việt Nam.
- Truyền hình cáp: DVB C, DVB C2,
- Truyền hình số mặt đất: DVB T, DVB T2
- Truyền hình vệ tinh: DVB S, DVB S2, DVB S2X, DVB SH
- Ngoài ra một số quốc gia sử dụng các tiêu chuẩn truyền hình khác như ATSC (truyền hình số mặt đất/ cáp); ATSC 2.0 sử dụng tại Mỹ, Bắc Mỹ.
- Các tiêu chuẩn ISDB: ISDB-T (mặt đất); ISDB-S (vệ tinh) và ISDB-C (cáp) sử dụng ở các nước như Nhật, các nước Châu Mỹ La Tinh.
- Các tiêu chuẩn DTMB, DMB: DTMB (mặt đất); T-DMB (mặt đất); S-DMB (vệ tinh) sử dụng bởi Trung Quốc
- Công nghệ nén video trong truyền hình số trên thế giới phổ biến nhất hiện nay là công nghệ nén H.264 (hay MPEG4 part10) cho tiêu chuẩn truyền hình số HD (Truyền hình độ nét cao); các nước tiên tiến như Nhật Bản thì đã sử dụng chuẩn nén mới HEVC (H.265) với tỷ lệ nén cao gấp 2 so với H.264 cho truyền hình độ phân giải siêu cao (UltraHD và 4K, 8K).

+ *Hiện trạng công nghệ của Đài truyền hình Việt Nam*

Hiện tại Đài THVN đang sử dụng công nghệ truyền dẫn phát sóng theo tiêu chuẩn truyền hình số mặt đất DVB T2 sử dụng chuẩn nén H.264; Lộ trình số hóa toàn quốc cũng đã tiến hành giai đoạn cuối, dự kiến đến 31/12/2020 sẽ hoàn thành. Hiện nay, Đài THVN cũng chú trọng phát triển công nghệ Truyền hình Internet và OTT.

Đối với dịch vụ, hiện tại các kênh phát sóng của đài THVN đang phát trên cả tiêu chuẩn SD, HD và đang nghiên cứu, lên kế hoạch sản xuất, truyền dẫn và phát sóng dịch vụ Truyền hình số UHD, 4K, 8K

+ *Hiện trạng Công nghệ VTVcab*

Hiện nay VTVcab đang sử dụng công nghệ truyền dẫn và phát sóng theo tiêu chuẩn DVB C; công nghệ nén video sử dụng H.264 đồng thời sẽ đầu tư nâng cấp lên H.265 trong tương lai gần.

VTVcab cung cấp đồng thời cả dịch vụ truyền hình số tiêu chuẩn SD và truyền hình số chất lượng cao HD; bên cạnh đó đã và đang nghiên cứu thử nghiệm phát sóng truyền hình độ phân giải siêu cao UHD, 4K trên mạng truyền hình Cáp thành công.

VTVcab đang cung cấp dịch vụ truyền hình theo yêu cầu VOD, truyền hình trực tuyến trên nền tảng OTT (với sản phẩm VTVcabON).

Công nghệ truyền dẫn VTVcab đang sử dụng có 2 loại là HFC và GPON. HFC là hệ thống truyền dẫn kết hợp giữa cáp quang và cáp đồng trục. GPON là công nghệ sử dụng hoàn toàn cáp quang.

+ *Vị trí của công nghệ so sánh với thế giới, Đài THVN*

So sánh công nghệ truyền hình cáp trên thế giới hiện nay, VTVcab đang sử dụng những công nghệ tiên tiến nhất cho dịch vụ truyền hình của mình để đảm bảo chất lượng dịch vụ. Hiện nay tiêu chuẩn DVB C vẫn đang phù hợp với sự phát triển nhưng VTVcab cũng sẵn sàng cho việc chuyển lên tiêu chuẩn mới DVB C2 cho phép truyền tải nhiều nội dung hơn.

Đối với công nghệ nén H.264 và sẽ đầu tư H.265 để bắt kịp xu thế phát triển công nghệ đồng thời tối ưu băng thông truyền tải. Mặt khác, qua các kết quả thử nghiệm cho thấy, việc phát sóng dịch vụ truyền hình UHD, 4K là hoàn toàn khả thi đối với mạng truyền hình Cấp của VTVcab hiện nay.

VTVcab đã cung cấp dịch vụ truyền hình theo yêu cầu (VOD), truyền hình trực tuyến trên nền tảng OTT (VTVcab ON) theo xu hướng phát triển của truyền hình thế giới trong những năm qua.

Các bước phát triển công nghệ của VTVcab cũng đã và đang theo lộ trình và định hướng mà Đài THVN, Bộ TTTT quy hoạch nhằm cung cấp dịch vụ tốt nhất.

- **Hệ thống truyền dẫn.**

+ *Hiện trạng trên thế giới*

Hiện nay, công nghệ truyền dẫn trong lĩnh vực truyền hình cáp trên thế giới đang trong giai đoạn chuyển đổi từ công nghệ HFC sang công nghệ FTTx. Đây là một quá trình kéo dài vì hầu hết những nhà cung cấp truyền hình cáp lớn trên thế giới đều sở hữu hệ thống HFC tương đối hoàn thiện, được đầu tư nâng cấp qua nhiều giai đoạn, năng lực cung cấp còn rất lớn và vẫn phần nào đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng. Tuy nhiên, đứng trước áp lực cạnh tranh của các đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông đã chuyển đổi hoàn toàn sang công nghệ FTTx, với khả năng vượt trội về năng lực cung cấp dịch vụ, các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình cáp bắt buộc phải có những chuyển đổi về công nghệ nếu muốn giữ được thị phần.

Các hãng truyền hình cáp trên thế giới duy trì công nghệ HFC, Comcast XFINITY, Time Warner Cable (Mỹ); Numericable, Videopole (Pháp),....

Các hãng truyền hình cáp trên thế giới đã đầu tư hệ thống FTTx: AT&T, Verizon FIOS (Mỹ), Virgin Media (Anh)

VTVcab đang sử dụng 2 công nghệ truyền dẫn là HFC và FTTx (tiêu chuẩn GPON).

+ *Hiện trạng của Đài Truyền hình Việt Nam*

Đài Truyền hình Việt Nam có hệ thống truyền dẫn là truyền hình vô tuyến mặt đất (số và tương tự), truyền hình vệ tinh. Đây là những công nghệ truyền dẫn không nằm trong lĩnh vực mà VTVcab đang cung cấp dịch vụ.

+ *Hệ thống truyền dẫn của VTVcab*

Hệ thống truyền dẫn HFC là hệ thống đã được xây dựng từ khi VTVcab mới phát triển. Trong quá trình phát triển VTVcab luôn sử dụng những thiết bị hiện đại, phương án thiết kế tiên tiến nhất. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, công nghệ này đang bộc lộ nhiều hạn chế, dần trở nên không đáp ứng được yêu cầu chất lượng dịch vụ.

VTVcab đã đầu tư hệ thống truyền dẫn theo công nghệ GPON ở nhiều khu vực do VTVcab quản lý. Đây là công nghệ tiên tiến nhất trên thế giới hiện nay, cho phép nhà cung cấp dịch vụ đáp ứng tối đa nhu cầu của người sử dụng dịch vụ.

+ *Vị trí công nghệ so với thế giới*

Đánh giá về trình độ công nghệ trong lĩnh vực truyền dẫn, VTVcab có trình độ công nghệ tương đương với các hãng truyền hình trả tiền lớn nhất trên thế giới. Tuy nhiên, VTVcab cần đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ FTTx để đáp ứng được nhu cầu sử dụng dịch vụ internet của khách hàng trong giai đoạn sắp tới.

10.5. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

⚡ Các sản phẩm VTVcab đang phát triển:

- Truyền hình trên internet OTT

Truyền hình trên internet hay còn gọi là OTT (viết tắt của cụm từ Over The Top) là công nghệ truyền hình dựa trên nền tảng công nghệ IP. Với điều kiện băng thông của hệ thống internet đủ lớn, nhà cung cấp dịch vụ truyền hình có đủ điều kiện về kỹ thuật để cung cấp dịch vụ truyền hình trên hệ thống internet. Có hai loại hình cung cấp dịch vụ truyền hình trên internet là IPTV và OTT. Trong đó IPTV là loại hình cung cấp dịch vụ truyền hình trên internet nội mạng, tức là chỉ dịch truyền hình chỉ cung cấp cho những khách hàng sử dụng dịch vụ internet của nhà cung cấp dịch vụ viễn thông. Dịch vụ OTT là dịch vụ truyền hình trên internet không phụ thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ internet. Khách hàng có thể sử dụng dịch vụ internet của bất kỳ đơn vị nào cũng có thể sử dụng được dịch vụ truyền hình này.

Dịch vụ OTT tận dụng được lợi thế tương tác hai chiều của dịch vụ internet để cung cấp đến khách hàng những sản phẩm truyền hình theo xung hướng hiện đại như truyền hình theo yêu cầu, truyền hình tương tác, xem lại chương trình, truyền hình di động, truyền hình với nhiều loại màn hình, Đây là một xu hướng mới trong lĩnh vực truyền hình trả tiền. Sản phẩm mới này đã đáp ứng được nhu cầu của những khách hàng ở những địa điểm VTVcab không thể thiết lập hạ tầng truyền dẫn, những khách hàng có nhu cầu chủ động lựa chọn chương trình truyền hình ưa thích, nội dung truyền hình ưa thích hay những bộ phim, clip mong muốn, không bị phụ thuộc vào lịch cố định của kênh truyền hình.

Dịch vụ truyền hình OTT là xu hướng tất yếu của truyền hình trên thế giới. Với tốc độ phát triển của công nghệ xử lý tín hiệu, công nghệ IP và sự phát triển trình độ dân trí nói chung. Tiềm năng phát triển của dịch vụ OTT là rất lớn. Tất cả những hãng truyền hình trả tiền lớn trên thế giới đều đã đầu tư triển khai dịch vụ OTT.

- Truyền hình số theo tiêu chuẩn DVB-T2:

Theo lộ trình số hoá truyền hình Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ, đến 2020 toàn bộ các hệ thống truyền hình tại Việt Nam bao gồm cả truyền hình vô tuyến mặt đất, truyền hình cáp đều phải dùng phát sóng truyền hình tương tự. Tiêu chuẩn truyền hình số bắt buộc phải có khả năng thu xem của tivi được sản xuất và bán tại thị trường Việt Nam là DVB-T2. Hiện tại, VTVcab đang truyền dẫn khoảng 60 kênh truyền hình tương tự trên mạng truyền hình cáp tại các khu vực trên toàn quốc. Như vậy, đến 2020 toàn bộ những kênh truyền hình này sẽ phải ngừng phát sóng, gây ra khả năng mất một lượng lớn khách hàng. Để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, VTVcab sẽ thực hiện truyền dẫn các kênh truyền hình trên mạng truyền hình cáp sử dụng tiêu chuẩn DVB-T2.

Sản phẩm này sẽ đáp ứng được nhu cầu của những khách hàng đã có thiết bị thu xem (tivi, STB) theo tiêu chuẩn DVB-T2 tiếp tục sử dụng dịch vụ truyền hình trả tiền của VTVcab mà không chuyển đổi sang sử dụng dịch vụ truyền hình khác.

Tiềm năng phát triển của dịch vụ truyền hình số DVB-T2 là rất lớn. Theo thống kê của hãng sản xuất tivi Samsung, trong năm 2016 Samsung đã bán ra khoảng hơn 1 triệu tivi có khả năng thu tín hiệu DVB-T2 tại thị trường Việt Nam. Bên cạnh đó, mục tiêu của Ban đề án số hoá truyền hình Việt Nam là đến năm 2020, khoảng 90% hộ dân tại Việt Nam có thiết bị thu xem theo tiêu chuẩn truyền hình số DVB-T2. VTVcab đã phát sóng tín hiệu DVB-T2 tại mạng truyền hình cáp thành phố Hồ Chí Minh với 80 kênh truyền hình.

⚡ Các sản phẩm đang nghiên cứu:

Internet of Thing (IOT): Dịch vụ cho phép người dùng điều khiển, giám sát, kiểm soát các thiết bị điện tử, môi trường từ xa. Người sử dụng có thể quan sát hình ảnh nhà ở khi đi

công tác, bật hoặc tắt các thiết bị điện.

+ Kế hoạch thực hiện

Thời gian	Nội dung công việc	Kết quả thực hiện
Tháng 6/2016 đến tháng 12/2016	Nghiên cứu lựa chọn tiêu chuẩn, tìm hiểu các hãng sản xuất thiết bị	Đã hoàn thành. Sử dụng tiêu chuẩn Zigbee, wifi. Hãng sản xuất: Dasan, Asic, Humax, ...
Tháng 1/2017 đến 8/2017	Thử nghiệm các hệ thống để đánh giá và xác định bộ thông số kỹ thuật	Đã thử nghiệm thiết bị của Asic. Đang liên hệ với một số hãng khác để thử nghiệm.
Tháng 9/2017 đến 4/2018	Thiết kế hệ thống, lập dự toán đầu tư	Đối tác cung cấp thiết bị đã gửi thiết bị thực hiện chạy thử, đang phối hợp để hoàn thiện phần mềm. Đã có phương án giá đầu tư thiết bị
Tháng 5/2018 đến 7/2018	Đầu tư mua sắm.	
Tháng 8/2018 đến tháng 10/2018	Lắp đặt, chạy thử hệ thống, đo đạc thông số kỹ thuật.	
Tháng 10/2018 đến 11/2018	Huấn luyện kỹ thuật viên lắp đặt thiết bị	
Tháng 12/2018	Triển khai kinh doanh	

+ Khách hàng sử dụng dịch vụ truyền hình cáp và internet của VTVcab sẽ được bổ sung thêm dịch vụ IOT. Đây là một xu hướng phát triển dịch vụ gia tăng đang có nhu cầu lớn trên thế giới và đã dần phát triển ở Việt Nam. Căn nhà của người Việt Nam và trên thế giới đang được công nghệ hóa bởi những thiết bị có khả năng kết nối internet để người sử dụng có thể giám sát, điều khiển từ xa. Theo số liệu của những đơn vị nghiên cứu về công nghệ, thị trường thiết bị IOT sẽ có giá trị nhiều tỷ USD trong thời gian tới.

10.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

VTVcab là đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông với các sản phẩm là truyền hình trả tiền, internet, quảng cáo, truyền thông sự kiện. Đây là ngành nghề có sự cạnh tranh rất cao. Chính vì vậy VTVcab luôn đặt vấn đề chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ cung cấp đến khách hàng là yếu tố quyết định đến sự phát triển bền vững của Công ty.

Để đảm bảo chất lượng sản phẩm, VTVcab đã thực hiện các công việc:

- Ban hành các bộ chỉ tiêu thiết bị, chỉ tiêu về tín hiệu, chỉ tiêu công cụ, dụng cụ. Các bộ chỉ tiêu của VTVcab được xây dựng trên cơ sở các bộ chỉ tiêu quốc tế, chỉ tiêu và tiêu chuẩn quốc gia.
- Ban hành các quy trình đo kiểm vật tư, thiết bị được sử dụng trong quá trình cung cấp dịch vụ đến khách hàng. Đầu tư trang thiết bị để phục vụ đo kiểm thông số kỹ thuật, chỉ tiêu tín hiệu. Ban hành các quy trình nghiệm thu công trình, hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc truyền dẫn tín hiệu từ trung tâm đến khách hàng.
- Nghiêm túc thực hiện các quy trình đo kiểm vật tư, quy trình nghiệm thu tại các đơn vị. Thành lập các bộ phận có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm tại các chi nhánh. Xử lý nghiêm những trường hợp để xảy ra tình trạng chất lượng sản phẩm không đạt tiêu chuẩn.

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn. Cụ thể, VTVcab đã thực hiện nâng cấp và cải tạo hệ thống kỹ thuật truyền dẫn trong các năm qua như sau:

Thời điểm	Thay mới				Sửa chữa	
	Node quang	Khuếch đại	Cáp quang	Cáp QR540	Node quang	Khuếch đại
Năm 2014	211 bộ	1.322 bộ	450 km	2.100 km	143 bộ	671 bộ
Năm 2015	327 bộ	1.640 bộ	520 km	2.420 km	159 bộ	726 bộ
Năm 2016	293 bộ	1.125 bộ	600 km	3250 km	294 bộ	887 bộ
Năm 2017 (dự tính)	350 bộ	1.800 bộ	850 km	2.000 km	300 bộ	1.000 bộ

- Chuyển đổi công nghệ truyền dẫn từ mạng HFC (kết hợp cáp quang và cáp đồng trục) sang mạng FTTx (mạng truyền dẫn chỉ sử dụng cáp quang). Đây là công nghệ tiên tiến nhất trên thế giới hiện nay. Tính đến thời điểm tháng 4/2017, VTVcab đã đầu tư lắp đặt là 130.000 port có khả năng cung cấp dịch vụ cho 3 triệu thuê bao.

Để đảm bảo chất lượng dịch vụ, VTVcab đã thực hiện các công việc:

- Thành lập hệ thống tổng đài trả lời khách hàng trên toàn quốc với số điện thoại 19001515. Tổng đài có trách nhiệm tiếp nhận thông tin của khách hàng về chất lượng dịch vụ, phản ánh đến bộ phận chức năng triển khai xử lý.
- Ban hành quy định về thời gian xử lý sự cố tại nhà khách hàng với tiêu chí thời gian là: với khách hàng sử dụng 3 dịch vụ trở lên thời gian xử lý sự cố là tối đa là 1 giờ, khách hàng sử dụng 2 dịch vụ thời gian xử lý sự cố tối đa là 2 giờ, khách hàng sử dụng 1 dịch vụ thời gian xử lý sự cố tối đa là 4 giờ. Tỷ lệ xử lý trong khoảng thời gian 1 giờ đạt trên 60% tổng số sự cố.
- Ban hành quy định về thời gian lắp đặt, cấp tín hiệu đến khách hàng với tiêu chí thời gian thực hiện tối đa là 6 giờ kể từ khi tiếp nhận thông tin của khách hàng.
- Thành lập bộ phận chuyên trách giám sát chất lượng dịch vụ tại nhà khách hàng, tất cả các trường hợp để khách hàng phàn nàn về chất lượng dịch vụ đều bị xử lý kỷ luật nghiêm khắc. Các đơn vị vận hành hệ thống thường xuyên nhắc nhở, giáo dục nhân viên về chất lượng dịch vụ đối với khách hàng là yêu cầu quyết định đến sự phát triển của VTVcab, thực hiện nghiêm túc việc ghi phiếu nghiệm thu lắp đặt, bảo hành tại nhà khách hàng.
- Nhân viên của Tổng đài chăm sóc khách hàng có trách nhiệm hỏi toàn bộ khách hàng về chất lượng sau khi lắp đặt, sau khi xử lý sự cố. Hơn 90% khách hàng trả lời hài lòng về chất lượng dịch vụ của VTVcab. Tất cả các khách hàng là công ty, doanh nghiệp, khách sạn đều được chủ động kiểm tra chất lượng tín hiệu, bảo trì định kỳ tối thiểu là 3 tháng/lần.

Chiến lược phát triển của VTVcab là phát triển trên nền tảng hạ tầng kỹ thuật theo tiêu chuẩn quốc tế, chất lượng dịch vụ không ngừng cải tiến, hoàn thiện, hài lòng khách hàng sử dụng dịch vụ. Trên cơ sở đó, VTVcab đã triển khai xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch vụ theo tiêu chuẩn ISO – 9001/2015

10.7. Hoạt động marketing

- Tăng cường công tác quảng bá hình ảnh thương hiệu và các dịch vụ của VTVcab

Năm 2013 đánh dấu bước ngoặt của VTVcab với việc ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới. Với mạng lưới phương tiện truyền thông dày đặc, đa dạng, trong những năm gần đây, hình ảnh thương hiệu và dịch vụ VTVcab đã đến gần hơn rất nhiều với khách hàng trên toàn quốc. VTVcab chú trọng phát triển hình ảnh thương hiệu trên hệ thống biển bảng và các kênh truyền hình. Đây là các phương tiện đòi hỏi ngân sách quảng cáo lớn, tuy nhiên VTVcab đã tận dụng nguồn quảng cáo các kênh để trao đổi nguồn lực. Điều này giúp VTVcab vẫn có nguồn thu quảng cáo để chi các hoạt động marketing và không ảnh hưởng đến dòng tiền của đơn vị. Cùng với đó, từ năm 2013 đến 2015 cũng là giai đoạn phát triển nóng của VTVcab với hệ thống chi nhánh phát triển mở rộng ra toàn quốc. Hình ảnh, dịch vụ VTVcab theo đó cũng mở rộng ra toàn quốc và trở thành thương hiệu truyền hình trả tiền gần gũi nhất với khách hàng.

– **Xây dựng chính sách khuyến mại**

Cùng với việc mở rộng địa bàn chủ yếu bằng hình thức sáp nhập các đơn vị truyền hình trả tiền nhỏ khác, VTVcab luôn có chính sách khuyến mại để chăm sóc lượng khách hàng cũ và khuyến khích với các khách hàng tham gia mới dịch vụ. Đặc biệt, chính sách khuyến mại của VTVcab luôn hướng tới việc gắn bó dài lâu với khách hàng bằng các chính sách khuyến khích đóng trước thuê bao. Để tránh giảm doanh thu thuê bao cho phương án tặng thêm tháng sử dụng, VTVcab đã sử dụng quà tặng từ các nguồn trao đổi quảng cáo. Đây thực sự là điểm nhấn trong công tác marketing của VTVcab giai đoạn này. Để cải thiện và nâng cao công tác chăm sóc khách hàng, VTVcab đang tiến tới triển khai các câu lạc bộ khách hàng thân thiết tại từng địa bàn – một kênh tương tác gắn kết giữa VTVcab và khách hàng.

10.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

10.8.1. Logo:



10.8.2. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Bảng 11: Danh sách đăng ký nhãn hiệu

STT	Số GCN Đăng ký nhãn hiệu	Ngày cấp	Nơi cấp
1.	235994	25/11/2014	Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ
2.	235993	25/11/2014	Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ
3.	236090	26/11/2014	Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ
4.	236089	26/11/2014	Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ
5.	236087	26/11/2014	Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ
6.	236088	26/11/2014	Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ
7.	257390	26/01/2016	Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ

Nguồn: Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam

10.9. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 12: Các hợp đồng lớn Tổng công ty đang thực hiện

TT	Hợp đồng	Đối tác	Ngày ký	Giá trị hợp đồng (theo năm, đã bao gồm VAT) (Đồng)	Nội dung
1	010/10/2013/HĐ HT/YEG- VTVcab	Công ty CP tập đoàn Đại Sứ Trẻ	01/01/2014	555.935.011.800	Khoán kênh XHH VTVcab 17
2	03a/2014/HDHT/ VTVcab –ITV	Công ty CP truyền thông ITV	01/01/2014	159.374.246.000	Khoán kênh XHH VTVcab 15
3	PL 06 HĐ 252/VCTV/PHA NXIPANG/2012	CTCP Truyền thông Phanxipang	15/10/2015	100.735.000.000	Hợp đồng khoán kênh xã hội hóa
4	206/2014/HĐKT/ VTVcab – DIDTV	CTCP Phát triển truyền thông QT Ảnh Bình Minh	05/02/2014	90.600.000.000	Hợp đồng quảng cáo kèm hợp đồng truyền dẫn
5	Phụ lục 10 Hợp đồng 159/VCTV - STV/20018	Công ty CP Truyền hình Cấp STV	26/05/2014	76.312.500.000	Phụ lục hợp đồng (trao đổi) kèm Hợp đồng Xã hội hóa
6	34a/2015/HĐHT/ VTVcab- VTVpcd-TTM	Công ty CP đầu tư giải trí tầm nhìn mặt trăng	01/01/2015	40.440.000.000	Khoán kênh XHH VTVcab19
7	314/2015/HĐKT/ VTVcab-IC	Công ty Cổ phần Công nghệ Đông Dương	02/12/2015	39.354.991.500	Mua sắm OLT, ONU triển khai mạng cáp GPON tại các tỉnh Tiền Giang, Ninh Bình, Thanh Hoá
8	150/2015/HĐKT/ VTVcab-IC	Công ty Cổ phần Công nghệ Đông Dương	01/07/2015	38.228.696.000	Mua sắm STB Hybrid đợt 1 năm 2015 (40K STB Humax VTV 200)
9	315/2015/HĐKT/ VTVcab-IC	Công ty Cổ phần Công nghệ Đông Dương	02/12/2015	38.123.143.300	Mua sắm OLT, ONU triển khai mạng cáp GPON tại các tỉnh Phú Thọ, Thái Nguyên và TP Bà Rịa-Vũng Tàu
10	181/2014/HĐKT/ Long Hưng – VTVcab	Công ty TNHH DTTM & DV Long Hưng	09/05/2014	36.400.000.000	Hợp đồng trao đổi quảng cáo-hàng hóa

(Nguồn: Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam)

11. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa

– *Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 2014 – 09 tháng đầu năm 2017*

Bảng 13: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 2014 – 09 tháng đầu năm 2017

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	9 tháng đầu năm 2017
----------	-------------	----------	----------	----------	-------------------------

Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	1.692.700	2.001.520	2.409.125	2.539.144
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	448.914	450.811	473.006	512.165
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	1.039.870	1.120.261	1.329.098	1.246.802
Trong, nợ quá hạn	Triệu đồng	0	0	0	0
Nợ dài hạn	Triệu đồng	203.915	430.449	607.021	780.177
Trong đó, nợ quá hạn	Triệu đồng	0	0	0	0
Nợ phải thu khó đòi	Triệu đồng	54.223	20.502	21.415	34.904
Tổng số lao động	Người	1.785	2.054	2.166	2.182
Tổng quỹ lương	Triệu đồng	215.706	256.582	269.483	152.364
Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Triệu đồng/người	11,59	11,79	11,44	7,75
Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.773.736	1.862.613	2.067.373	1.628.180
Tổng chi phí	Triệu đồng	1.689.070	1.782.002	1.985.354	1.410.910
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	84.666	80.611	82.019	48.529
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	61.017	65.404	68.589	38.823
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14	15	15	7,6

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2014, năm 2016 và BCTC riêng năm 2015 (điều chỉnh theo Báo cáo thẩm định của Kiểm toán nhà nước) và Báo cáo tài chính tổng hợp quý 3 năm 2017 của VTVcab)

– Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2014 – 2016

Bảng 14: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2014 – 2016

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	1.870.308	2.206.368	2.602.590
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	558.695	605.589	617.520
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	1.107.697	1.170.330	1.378.049
Trong, nợ quá hạn	Triệu đồng	0	0	0
Nợ dài hạn	Triệu đồng	203.915	430.449	607.021
Trong đó, nợ quá hạn	Triệu đồng	0	0	0
Nợ phải thu khó đòi	Triệu đồng	42.355	22.943	23.857
Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.995.848	2.046.905	2.128.045
Tổng chi phí	Triệu đồng	1.822.781	1.874.8976	2.023.319
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	173.536	172.008	104.726
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	126.554	130.502	76.474
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn nhà nước	%	23	22	12

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014, năm 2015 và năm 2016 của VTVcab)

12. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước khi cổ phần hóa

❖ **Thuận lợi**

- Là đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền hàng đầu Việt Nam với thương hiệu đã được khẳng định số 1 Việt Nam.
- Mạng truyền hình cáp phủ sóng rộng nhất, với gần 60 tỉnh, thành phố trên toàn quốc với số lượng thuê bao truyền hình trả tiền lớn nhất Việt Nam.
- Sở hữu nội dung kênh, chương trình phong phú nhất Việt Nam với khả năng chủ động sản xuất nội dung và hợp tác trao đổi nội dung kênh chương trình với các đơn vị cung cấp nội dung khác. Luôn cam kết về bản quyền truyền hình và tăng kênh theo đúng lộ trình.
- Gói kênh VTVcab có trên toàn bộ các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình tại Việt Nam

❖ **Khó khăn**

- Tình hình cạnh tranh ngày càng khốc liệt với sự tham gia của các đơn vị viễn thông là Viettel, VNPT, FPT.
- Hạ tầng truyền dẫn là khó khăn lớn khi phụ thuộc nhiều vào đối tác mà cụ thể là các đơn vị viễn thông ảnh hưởng lớn đến khả năng phát triển các dịch vụ gia tăng, phát triển đa dịch vụ.
- Xu hướng chuyển dịch nhu cầu truyền hình và giải trí của khách hàng, đặc biệt là đối tượng khách hàng trẻ. Với xu hướng đa dịch vụ trên một đường truyền, chủ động sử dụng dịch vụ thông qua mạng Internet sẽ ảnh hưởng lớn đến kinh doanh dịch vụ truyền hình trả tiền truyền thống.

13. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

13.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam là đơn vị truyền hình trả tiền duy nhất trực thuộc Đài THVN với kinh nghiệm hơn 20 năm triển khai dịch vụ truyền hình trả tiền. Các lĩnh vực hoạt động chính:

- Kinh doanh các dịch vụ Truyền hình trả tiền, truyền hình cáp CATV, truyền hình số HD, Truyền hình tương tác IPTV....
- Nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ tiên tiến; Sản xuất và kinh doanh các thiết bị phát sóng truyền hình, truyền thông, Internet trên hệ thống truyền dẫn Truyền hình trả tiền.

❖ **Ưu thế lớn của VTVcab:**

- Mạng truyền hình cáp phủ sóng rộng nhất (~60 tỉnh, thành phố), số thuê bao truyền hình trả tiền lớn nhất Việt Nam.
- Là đơn vị truyền hình trả tiền có số lượng chi nhánh, văn phòng đại diện, showroom lớn nhất Việt Nam
- Sản xuất kinh doanh dịch vụ nội dung truyền hình trả tiền: mua – bán bản quyền truyền hình, kênh truyền hình,...
- Gói kênh VTVcab có trên nhiều hạ tầng của nhiều nhà cung cấp
- Luôn mở rộng hợp tác kinh doanh liên kết với các đơn vị viễn thông, truyền hình trong nước

và quốc tế trong lĩnh vực truyền hình trả tiền

- Sử hữu bản quyền các giải thể thao hay nhất thế giới. Cam kết về bản quyền truyền hình, luôn tăng kênh theo đúng lộ trình.

13.2. Triển vọng phát triển ngành

Trong giai đoạn 2012 – 2015, tốc độ tăng trưởng dịch vụ truyền hình trả tiền đạt khoảng 25 – 30%; giai đoạn 2016 – 2020, tốc độ tăng trưởng này dự kiến đạt khoảng 10 – 15%. Đến năm 2020, doanh thu dịch vụ truyền hình trả tiền dự kiến đạt khoảng 800 triệu – 1 tỷ USD.

Tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ quảng cáo phát thanh, truyền hình hằng năm từ 15 - 20%, đến năm 2020 dự kiến đạt khoảng 800 triệu – 1 tỷ USD.

Trong mục tiêu phát triển, đến năm 2020, VTVcab sẽ cung cấp ổn định khoảng 70 - 80 kênh truyền hình quảng bá, trong đó có 10 – 15 kênh thông tin tuyên truyền thiết yếu quốc gia và 60 – 65 kênh thông tin tuyên truyền thiết yếu địa phương. Còn với dịch vụ truyền hình trả tiền, mục tiêu đến năm 2020 sẽ phát triển khoảng 70 – 80% số hộ gia đình thu xem dịch vụ này.

Đáng chú ý liên quan đến định hướng phát triển, là sẽ không phát triển thêm dịch vụ truyền hình quảng bá tương tự mặt đất, mà ưu tiên phát triển loại hình số mặt đất, di động mặt đất, số vệ tinh, kết hợp trên mạng viễn thông đã có sẵn phù hợp với định hướng số hóa và xu hướng hội tụ công nghệ và dịch vụ... Đồng thời khuyến khích các đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền tham gia phát sóng các kênh chương trình phát thanh, truyền hình quảng bá.

Trong định hướng phát triển dịch vụ trả tiền, truyền hình cáp sẽ phát triển theo hướng bền vững, chất lượng, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh, tránh việc tham gia quá nhiều, đặc biệt là của các doanh nghiệp nhà nước đầu tư ngoài ngành vào lĩnh vực truyền hình. Trong đó sẽ không cấp phép mới dịch vụ truyền hình cáp sử dụng công nghệ tương tự; còn với dịch vụ truyền hình cáp truyền thống công nghệ số sẽ hình thành từ 2 - 3 doanh nghiệp và tối đa không quá 5 doanh nghiệp trên phạm vi vùng không trùng nhau về địa lý trên cơ sở liên kết giữa các doanh nghiệp truyền hình cáp đang hoạt động hoặc mua lại các hạ tầng cáp đã có sẵn.

Với dịch vụ truyền hình IPTV sẽ hình thành từ 3 - 4 doanh nghiệp trên cơ sở tận dụng hạ tầng mạng viễn thông đã đầu tư; với dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số có tối đa 3 doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc và 5 doanh nghiệp trên phạm vi vùng không trùng nhau về địa lý.

Dịch vụ truyền hình trực tiếp qua vệ tinh cũng chỉ hình thành tối đa 3 doanh nghiệp. Còn dịch vụ truyền hình di động bảo đảm trên thị trường hình thành tối đa 2 doanh nghiệp cung cấp.

13.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

- Sau cổ phần hóa, Tổng công ty tiếp tục tập trung phát triển kinh doanh dịch vụ truyền hình trả tiền và các dịch vụ gia tăng đảm bảo doanh thu. Đảm bảo nhân sự của Tổng công ty cổ phần hoạt động đồng bộ và làm việc hiệu quả. Tổng công ty cũng tập trung đầu tư thời gian, trí tuệ tìm hiểu thị trường, đối tác, nghiên cứu đổi mới hoạt động, phát triển các dịch vụ gia tăng khác phù hợp với lợi thế hiện có của Tổng công ty. Tiếp tục duy trì hoạt động hiện nay ổn định, đảm bảo thu nhập cho cán bộ công nhân viên.
- Với bề dày truyền thống và uy tín đã được khẳng định trên thị trường, Công ty cổ phần tiếp tục thực hiện các nội dung sau:
- Lựa chọn và đầu tư phát triển công nghệ truyền hình mới trên các phương thức truyền dẫn hiện đại, phấn đấu để có trình độ tương xứng với công nghệ truyền hình của các nước trong

khu vực, chú trọng đầu tư theo xu hướng dịch vụ viễn thông - tin học - truyền hình trong phát triển công nghệ.

- Lựa chọn công nghệ tiên tiến đi đôi với việc tiết kiệm giảm giá thành, phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội và thu nhập người dân, có bước đi thích hợp tránh lãng phí.
- Xác định được vũ khí cạnh tranh mạnh nhất của VTVcab bên cạnh yếu tố kỹ thuật là nội dung chương trình, phải xây dựng và khẳng định được các kênh truyền hình trả tiền của VTVcab là hàng đầu, đảm bảo cân đối giữa các kênh sản xuất, kênh nước ngoài để chủ động và ổn định về nội dung.
- Song song với việc hoàn thiện hệ thống truyền dẫn, mở rộng vùng phủ sóng trên cả nước cần tập trung đầu tư trọng điểm phát triển mạnh thị trường truyền hình của VTVcab nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng thương hiệu truyền hình trả tiền số 1 tại Việt Nam, phát triển thị trường bền vững.

III. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

1. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được nêu trong Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước thành hình thức đa sở hữu; tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý; từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty;
- Huy động các nguồn vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, các tổ chức kinh tế trong nước đầu tư phát triển doanh nghiệp.
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế của đất nước.
- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường; khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

2. Điều kiện cổ phần hóa

- Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Đài Truyền hình Việt Nam, các Cơ quan ban ngành và luôn nhận được sự quan tâm tạo điều kiện của các địa phương trên địa bàn Công ty hoạt động. Đây là điều kiện thuận lợi để công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hóa;
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần;
- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hóa diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách của Nhà nước về cổ phần hóa cho người lao động cũng được thực hiện nghiêm

túc, triệt để;

- Tập thể người lao động của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hóa với mong muốn tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.

3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ vào tình hình và đặc điểm thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định 126/2017/NĐ - CP ngày 16/11/2017 về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, hình thức cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam là “Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ”.

4. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần

❖ *Vốn điều lệ, căn cứ xác định vốn điều lệ*

Căn cứ:

- Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa;
- Kế hoạch đầu tư và khả năng tự tài trợ vốn của Công ty cho các kế hoạch đầu tư;
- Năng lực quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Bộ máy quản lý của Công ty;
- Khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác.

Vốn điều lệ Công ty cổ phần dự kiến : **884.000.000.000** đồng

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

Tổng số cổ phần : **88.400.000** cổ phần

❖ *Cơ cấu vốn điều lệ*

Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam đề xuất xây dựng phương án Nhà nước nắm giữ cổ phần ở mức **51% vốn điều lệ** tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ là 45.081.076 cổ phần, tương đương 450.810.760.000 đồng tính theo mệnh giá. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông như sau:

Bảng 15: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ so với VDL
1	Nhà nước	45.081.076	450.810.760.000	51,00%
2	Cổ phần ưu đãi Bán cho cán bộ công nhân viên	1.026.300	10.263.000.000	1,16%
2.1	<i>Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế trong KVNN (giá mua bằng 60% giá trị 1 cổ phần tính theo mệnh giá - 10.000 đồng/cổ phần)</i>	873.500	8.735.000.000	0,99%
2.2	<i>Mua ưu đãi theo năm công tác cam kết (giá mua là giá khởi điểm được cơ quan đại diện sở hữu phê duyệt trong phương án cổ phần hóa)</i>	152.800	1.528.000.000	0,17%

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ so với VDL
3	Cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư khác	42.292.624	422.926.240.000	47,84%
Tổng cộng		88.400.000	884.000.000.000	100%

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam)

5. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:	CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM
Tên viết tắt bằng tiếng Việt:	TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM
Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh:	VIETNAM TELEVISION CABLE JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt bằng tiếng Anh:	VTVCab
Trụ sở chính:	Số 844 đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Điện thoại:	024. 37714929
Fax:	024. 38317364
Website:	http:// vtvcab.vn.

Logo Công ty:



6. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

Căn cứ Khoản 1 Điều 7 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Tổng công ty Cổ phần Truyền hình Cáp Việt Nam được tự do kinh doanh trong các ngành nghề mà luật không cấm.

Đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Tổng công ty cần đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư và đảm bảo duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh bao gồm:

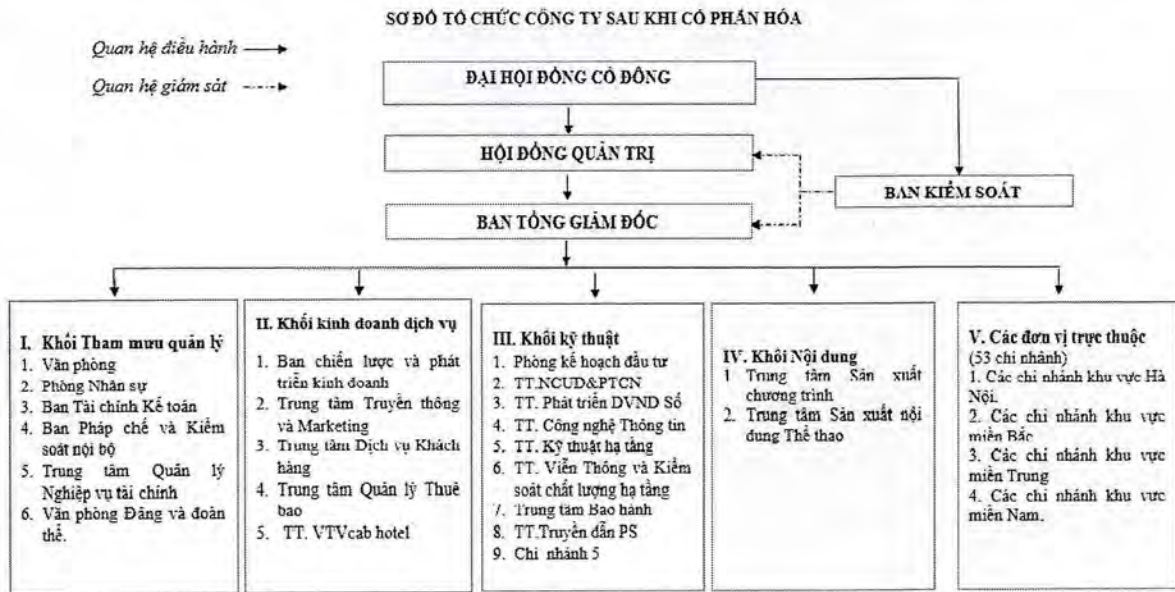
- ❖ Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (*Chi tiết: Dịch vụ truyền hình trả tiền*).
- ❖ Hoạt động viễn thông có dây (*Chi tiết: Điều hành hệ thống phát bằng cáp; Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng viễn thông có dây*).
- ❖ Sản xuất thiết bị truyền thông.
- ❖ Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá).
- ❖ Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (*Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình*).
- ❖ Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- ❖ Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng

chuyên doanh.

- ❖ Hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (*Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, chứng khoán).*)
- ❖ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (*Chi tiết: Hoạt động môi giới bán quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bán quyền).*)
- ❖ Hoạt động viễn thông khác.
- ❖ Xuất bản phần mềm (*Chi tiết: xuất bản các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như: hệ thống điều hành; kinh doanh và các ứng dụng khác; chương trình trò chơi máy vi tính).*)
- ❖ Sản xuất đồ chơi, trò chơi (*Chi tiết: Sản xuất trò chơi điện tử: video giải trí, cờ...).*)
- ❖ Hoạt động cổng thông tin (*Chi tiết: Hoạt động điều hành các website sử dụng công cụ tìm kiếm để tạo lập và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn các địa chỉ internet và nội dung theo một định dạng có thể tìm kiếm một cách dễ dàng; Hoạt động điều hành các website khác hoạt động như các cổng internet, như các trang báo chí, phương tiện truyền thông cung cấp các nội dung thông tin được cập nhật định kỳ; Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội, website thương mại điện tử bán hàng, website khuyến mại trực tuyến, sàn giao dịch thương mại điện tử (Chỉ được kinh doanh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).*)
- ❖ Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (*Chi tiết: Hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê, dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan như: hoạt động cho thuê riêng như cho thuê trang Web, dịch vụ truyền suốt hoặc cho thuê ứng dụng, cung cấp các dịch vụ ứng dụng thiết bị mainframe phân thời cho khách hàng. Hoạt động xử lý dữ liệu bao gồm xử lý hoàn chỉnh và báo cáo các kết quả đầu ra cụ thể từ các dữ liệu do khách hàng cung cấp hoặc nhập tin và xử lý dữ liệu tự động).*)
- ❖ Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) (*Chi tiết: Dịch vụ trung gian thanh toán: Dịch vụ cổng thanh toán điện tử, Dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ; Dịch vụ hỗ trợ chuyển tiền điện tử; Dịch vụ ví điện tử).*)

7. Cơ cấu tổ chức công ty sau cổ phần hóa

Sơ đồ cơ cấu tổ chức công ty sau cổ phần hóa



(Nguồn: Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam)

Công ty Cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

- ❖ **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty; Thông qua loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;... và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- ❖ **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo nguyên tắc bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.
- ❖ **Ban Kiểm soát:**

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Tổng công ty. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty là ba (03) người. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Tổng công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

❖ **Ban điều hành:**

- Tổng Giám đốc: Là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty, Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

- Các Phó Tổng Giám đốc: Giúp việc cho Tổng Giám đốc trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện từng lĩnh vực quản lý Tổng công ty.

❖ **Các phòng, ban chức năng:** Giữ nguyên số lượng và cơ cấu tổ chức các phòng, ban, trung tâm và chi nhánh trực thuộc như trước khi cổ phần.

❖ **Các tổ chức khác trong Công ty Cổ phần:** Tổ chức Đảng; Tổ chức Công đoàn và Tổ chức Đoàn Thanh niên

❖ **Công ty con, Công ty liên kết**

- Công ty con:
 - + Công ty CP Công nghệ Việt Thành
 - + Công ty cổ phần truyền hình tương tác Việt Nam
 - + Công ty VTVcab Sport JSC
- Công ty liên kết
 - + Công ty TNHH MSTN VTV – Hyundai;
 - + Công ty Cổ phần Smart Media;
 - + VTVcab Nam Định;
 - + Công ty On Plus

❖ **Khối Tham mưu, Quản lý**

- **Văn phòng:** Tham mưu, tổng hợp giúp Ban lãnh đạo Tổng công ty chỉ đạo, điều hành các hoạt động chung của Tổng công ty và các đơn vị, tổ chức thực hiện công tác hành chính, quản trị, văn thư, lưu trữ, lễ tân, khánh tiết, thư ký tổng hợp, đào tạo, đoàn ra, đoàn vào, công tác kế hoạch và lập kế hoạch của Tổng công ty.

- **Phòng Nhân sự:** Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc; tham mưu giúp Tổng Giám đốc thực hiện thống nhất quản lý về công tác tổ chức cán bộ, quản lý lao động tiền lương, bảo hiểm và các chế độ chính sách khác có liên

- quan đến người lao động; phối hợp với các đơn vị khác tham mưu về công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng người lao động.
- **Ban Tài chính Kế toán:** Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác tài chính kế toán, hạch toán kế toán, thông tin kinh tế, phân tích hoạt động kinh tế, kiểm soát tài chính kế toán tại công ty, quản lý sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty.
 - **Ban Pháp chế và Kiểm soát nội bộ:** Tham mưu cho Tổng giám đốc về những vấn đề pháp lý, công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tài chính, kế toán, kiểm toán nội bộ, theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư của các dự án liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Tổng công ty.
 - **Trung tâm Quản lý nghiệp vụ tài chính:** Phối hợp với Ban Tài chính Kế toán, Ban Pháp chế và Kiểm soát nội bộ xây dựng quy định hạch toán kế toán, chính sách tài chính, chính sách quản lý thuê bao áp dụng thống nhất cho các chi nhánh; Xây dựng quy chế và các biện pháp trong công tác quản lý tài chính các chi nhánh theo đúng quy định của Bộ Tài chính, Đài THVN và của Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam.
 - **Văn Phòng Đảng ủy:** Thực hiện các chức năng tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy.
- ❖ **Khối Kinh doanh, Dịch vụ:**
- **Ban chiến lược và phát triển kinh doanh:** Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực:
 - + Công tác lập kế hoạch kinh doanh, xây dựng chiến lược và phát triển kinh doanh ngắn hạn và dài hạn; kế hoạch chiến lược đầu tư phát triển kinh doanh truyền hình cáp và các dịch vụ giá trị gia tăng;
 - + Xây dựng, đánh giá phương án đầu tư nhằm đẩy mạnh, phát triển hoạt động kinh doanh dịch vụ truyền hình cáp và các hoạt động kinh doanh khác theo định hướng phát triển của Tổng công ty.
 - + Hỗ trợ chi nhánh, đơn vị hợp tác lên kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh;
 - + Đàm phán, soạn thảo các hợp đồng hợp tác, liên doanh, phí bản quyền, truyền dẫn tới các đối tác; thuê cột điện...;
 - + Điều tra, nghiên cứu thị trường, đối thủ cạnh tranh.
 - **Trung tâm Truyền thông & Marketing:** Thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc Tổng công ty và tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu, phân tích xu hướng, cách thức tiếp cận công chúng, khách hàng tiêu dùng; Xây dựng chiến lược và kế hoạch truyền thông; Quản trị và phát triển thương hiệu; Kết hợp với các đơn vị chức năng liên quan phát triển các sản phẩm dịch vụ truyền hình mới; Dịch vụ truyền thông đa phương tiện cho đối tác bên ngoài: sản xuất chương trình, tư vấn xây dựng thương hiệu, tổ chức sự kiện; Nội dung phát sóng các kênh chương trình của VCTV và các kênh chương trình nước ngoài phát trên hệ thống mạng truyền hình cáp VCTV; Hoạt động PR, PR nội bộ, kiểm soát hình ảnh; Dự phòng rủi ro về hình ảnh và hình ảnh báo chí trong Tổng công ty và thị trường.
 - **Trung tâm Quản lý thuê bao:** Tham mưu giúp Tổng giám đốc thực hiện các chức năng:
 - + Tổ chức thực hiện công tác quản lý, chăm sóc khách hàng, thu cước thuê bao Truyền hình cáp và các dịch vụ gia tăng khác thuộc địa bàn Tổng công ty quản lý tại Hà Nội và thành phố HCM; quản lý nguồn thu của Tổng công ty từ việc thu phí thuê bao tại các địa bàn được phân công;
 - + Tham gia phát triển hỗ trợ dịch vụ, hỗ trợ nghiệp vụ kinh doanh, thống kê và báo cáo nội bộ của Tổng công ty.

- **Trung tâm Dịch vụ khách hàng:** Thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc:
 - + Thực hiện công tác dịch vụ và chăm sóc khách hàng; tổ chức, thực hiện và tiếp nhận thông tin phản ánh từ khách hàng dưới các hình thức: điện thoại, fax, email, SMS, website ... nhằm giải đáp, hỗ trợ và chăm sóc khách hàng về dịch vụ truyền hình cáp, Internet, SD, HD và các dịch vụ gia tăng khác của Tổng công ty;
 - + Tham gia phát triển các dịch vụ của Tổng công ty, hỗ trợ các nghiệp vụ kinh doanh, thống kê, báo cáo nội bộ của Tổng công ty và thực hiện các chức năng khác theo yêu cầu của Tổng Giám đốc.
- **Trung tâm truyền hình khách sạn:** Kinh doanh, phát triển các dịch vụ Truyền hình cáp, dịch vụ giá trị gia tăng khác của Tổng công ty tới các đối tượng khách hàng là các khách sạn lớn (từ 3 sao trở lên) tại địa bàn khu vực Hà Nội và các địa bàn khác theo yêu cầu của Tổng Giám đốc.
- ❖ **Khởi Kỹ thuật**
 - **Phòng Kế hoạch đầu tư:** Thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc:
 - + Lên kế hoạch đầu tư, mua sắm hàng hóa, trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và theo dõi thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong Tổng công ty;
 - + Tổ chức mua sắm thiết bị, phương tiện, hàng hóa thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
 - **Trung tâm Kỹ thuật Truyền dẫn phát sóng:** Trung tâm Kỹ thuật Truyền dẫn Phát sóng là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc Tổng công ty: Xây dựng, quản lý, vận hành và giám sát toàn bộ hệ thống phát sóng các kênh VTVcab, hệ thống lưu trữ, hệ thống thu vệ tinh, thu phát tín hiệu cho các đối tác, headend số, headend analog, mạng truyền dẫn IP, hệ thống hạ tầng phòng máy toàn quốc của Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam; là Trung tâm thu phát chính cung cấp tín hiệu cho các Chi nhánh và các đơn vị Truyền hình cáp trên toàn quốc được Tổng Giám đốc phê duyệt.
 - **Trung tâm Kỹ thuật Viễn thông và Kiểm soát chất lượng mạng:** Trung tâm Viễn Thông và Kiểm soát Chất lượng hạ tầng mạng là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam, có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc xây dựng và phát triển hạ tầng và các dịch vụ viễn thông; Kiểm soát chất lượng hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ.
 - **Trung tâm bảo hành:** Thực hiện công tác bảo hành, sửa chữa toàn bộ các thiết bị điện tử, thiết bị mạng truyền hình cáp, thiết bị đầu thu số, morderm và các thiết bị điện tử khác.
 - **Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ:** Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Phát triển công nghệ thực hiện chức năng quản lý công tác đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ đối với toàn bộ cán bộ, nhân viên trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam.
 - **Trung tâm Phát triển dịch vụ nội dung số:** Tham mưu giúp Tổng Giám đốc xây dựng chiến lược, định hướng, triển khai công tác phát triển các công nghệ, dịch vụ nội dung số của Tổng công ty.
 - **Trung tâm Công nghệ thông tin:** Thực hiện các chức năng:
 - + Quản lý, điều hành và phát triển công nghệ thông tin hỗ trợ cho công tác quản lý và sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;
 - + Ban hành các chính sách an toàn, bảo mật thông tin của Tổng công ty;
 - + Chỉ đạo, điều hành, giám sát và kiểm tra công tác vận hành, khai thác, bảo dưỡng các

hệ thống công nghệ thông tin của các đơn vị trực thuộc Tổng công ty;

- + Nghiên cứu, định hướng và tìm kiếm giải pháp, xu hướng công nghệ, phát triển các ứng dụng dịch vụ theo yêu cầu sản xuất kinh doanh. Đề xuất các biện pháp cải tiến, tối ưu hoá cũng như nâng cấp hệ thống phù hợp tình hình thực tế.
- + Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành các hệ thống cung cấp dịch vụ Viễn thông, Internet toàn quốc

– **Trung tâm kỹ thuật hạ tầng:**

Trung tâm Kỹ thuật hạ tầng là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam, thực hiện chức năng tổ chức quản lý, thực hiện và tham mưu về công tác kỹ thuật, hạ tầng mạng truyền hình cấp từ Tổng Công ty đến các chi nhánh và đơn vị hợp tác.

– **Chi nhánh 5:**

Là đơn vị trực thuộc Tổng công ty; có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây lắp hệ thống mạng trực chính hệ thống mạng truyền hình cấp thuộc Tổng công ty; Thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành và bảo trì – sửa chữa mạng cáp quang thuộc Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam theo đúng quyết định phân cấp quản lý

✦ **Khối nội dung:**

– **Trung tâm Kỹ thuật Sản xuất chương trình:**

- + Trung tâm Kỹ thuật Sản xuất chương trình là đơn vị chuyên môn trực thuộc Tổng công ty Truyền hình cấp Việt Nam thực hiện chức năng quản lý và khai thác hệ thống kỹ thuật sản xuất chương trình.
- + Tham mưu giúp Ban Lãnh đạo Tổng công ty xây dựng định hướng phát triển công nghệ sản xuất chương trình.

– **Trung tâm sản xuất nội dung Thể thao**

Trung tâm Sản xuất Nội dung Thể thao là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình cấp Việt Nam thực hiện chức năng sản xuất các nội dung thể thao cung cấp trên đa nền tảng theo chiến lược phát triển của Tổng Công ty.

❖ **Các chi nhánh:**

- Gồm Chi nhánh khu vực Hà Nội, Các chi nhánh khu vực miền Bắc, Các chi nhánh khu vực miền Trung và Các chi nhánh khu vực miền Nam có chức năng:
 - + Tham mưu và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, phát triển khách hàng các dịch vụ truyền hình cáp, internet và các dịch vụ giá trị gia tăng khác theo địa bàn được phân cấp quản lý.

IV. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu phát triển

❖ **Mục tiêu tổng quát**

- Số hóa dịch vụ truyền hình theo chỉ đạo của Nhà nước.
- Đầu tư hạ tầng, phát triển các dịch vụ gia tăng.
- Tăng doanh thu, tăng lợi nhuận.
- Chủ động trong việc triển khai kinh doanh dịch vụ, tự chủ về truyền dẫn tín hiệu, tự cung cấp băng thông Internet và các dịch vụ gia tăng, giảm sự phụ thuộc đối với các đơn vị hợp tác.

– Phát triển đồng bộ các dịch vụ, tăng chất lượng dịch vụ và chất lượng chăm sóc khách hàng

❖ **Mục tiêu cụ thể:**

⬇️ **Tăng trưởng:**

- Tăng trưởng gần 500.000 khách hàng, đạt hơn 2.100.000 khách hàng trong năm 2021.
- Thuê bao Internet tăng trưởng gần 600.000 khách hàng, đạt hơn 800.000 khách hàng trong năm 2021.
- Số hóa toàn bộ khách hàng đang sử dụng dịch vụ truyền hình cáp Analog của VTVcab.
- Doanh thu tăng trung bình hàng năm 17%, đạt hơn 4.500 tỷ đồng trong năm 2021.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa

❖ **Chỉ tiêu về thuê bao**

Bảng 16: Chỉ tiêu về thuê bao của Công ty trong 05 năm sau cổ phần hóa (2018 – 2022)

TT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng dân số	97.080.000	98.217.000	99.354.000	100.347.540	101.351.015
	Tổng số hộ	26.525.000	26.983.000	27.446.000	27.721.000	27.998.000
	Tổng số hộ có tivi	23.201.000	23.708.000	24.217.000	24.459.000	24.704.000
2	Dung lượng HFC	3.696.957	3.881.805	4.075.895	4.075.895	4.075.895
	Tổng thuê bao	1.748.073	1.864.937	2.010.055	2.139.312	2.261.350
	Tỷ lệ thuê bao / HFC	47%	48%	49%	52%	55%
	Tỷ lệ thuê bao/số hộ dân toàn quốc (%)	7%	7%	7%	8%	8%
	Tỷ lệ thuê bao / số hộ có tivi (%)	8%	8%	8%	9%	9%
3	Dung lượng DOCSIS	616.344	616.344	616.344	616.344	616.345
	Internet Docsis/CMTS/EOC	212.319	266.123	306.044	332.657	350.188
	Tỷ lệ thuê bao / Docsis	34%	43%	50%	54%	57%
4	Dung lượng GPON	351.184	608.414	896.790	896.790	896.791
	Internet GPON	146.519	277.714	423.242	486.707	525.643
	Tỷ lệ thuê bao / GPON	42%	46%	47%	54%	59%

❖ **Một số chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh**

Bảng 17: Một số chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 05 năm sau cổ phần hóa (2018 – 2022)

Đơn vị tính: Triệu đồng

T	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
I	Doanh thu	2.949.244	3.505.987	3.960.456	4.525.269	4.458.653
1	Truyền hình cáp	979.070	857.397	687.568	540.379	457.894

T T	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
2	Truyền hình số	194.672	457.066	802.278	1.185.757	1.404.606
3	Dịch vụ HD	326.173	376.230	457.989	589.152	684.327
4	KD internet	174.969	335.826	480.102	586.973	646.298
5	VOD-OTT	31.919	55.170	83.371	119.605	131.566
5	Bán thiết bị	215.480	382.122	406.302	473.497	154.276
6	Doanh thu phí truyền dẫn	196.397	200.325	204.331	208.418	212.586
7	Doanh thu bản quyền, QC, XHH	453.947	463.026	472.286	481.732	491.366
8	Doanh thu, lợi nhuận được chia	559.087	604.466	632.891	661.132	632.871
9	Giảm trừ doanh thu cho ĐVHT	-198.658	-241.991	-283.177	-338.057	-373.986
10	Khác	16.189	16.351	16.514	16.680	16.846
II	Chi phí	2.874.927	3.424.833	3.853.823	4.409.576	4.176.132
1	Chi lương	288.424	299.961	311.959	324.438	337.415
2	Các khoản theo lương (bảo hiểm...)	41.679	43.347	45.080	46.884	48.759
3	Tiền ăn giữa ca	20.811	21.643	22.509	23.409	24.345
4	Chi phí khấu hao TSCĐ	310.175	300.208	267.390	238.570	236.729
5	Chi phí bản quyền, sản xuất chương trình	803.449	843.622	970.165	1.115.689	1.283.043
6	Chi phí tuyên truyền, QC, Khuyến mại	169.562	178.040	195.844	215.428	226.199
7	Chi phí thiết bị SD, HD	79.878	115.029	175.324	328.036	230.010
8	Chi phí thiết bị của DV TH số	195.606	428.395	462.813	625.467	367.057
9	Chi phí thiết bị - Internet	141.176	261.330	330.519	278.322	200.274
10	Chi phí VOD-OTT	35.434	49.223	65.273	85.348	84.325
11	Phân chia từ hoạt động hợp tác LD	169.695	215.639	244.618	273.401	245.673
12	Chi phí thuê cột điện	64.549	67.776	71.165	74.723	78.459
13	Chi phí sửa chữa, bảo hành, bảo trì vật tư, tài sản	71.991	76.311	80.889	85.743	90.887
14	Chi phí công cụ dụng cụ	19.479	20.647	21.886	23.199	24.591

T T	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
15	Chi phí lãi vay, đi vay	92.971	117.518	156.024	210.571	268.540
16	CP thù lao thu thuê bao	53.485	64.714	77.533	92.680	101.968
17	Hoa hồng, thù lao PT thuê bao cáp, số	51.454	62.257	74.589	89.161	98.097
18	Thuê nhà	37.069	40.775	44.853	49.338	54.272
19	Cước phí thuê đường truyền, truyền dẫn	45.495	46.405	47.333	48.280	49.245
20	Chi phí tiền điện mạng cáp	23.883	26.271	28.899	31.788	34.967
21	Chi phí NVL, vật tư	42.624	60.655	81.997	84.871	38.492
22	Các khoản thuê mướn khác	120.859	124.485	128.219	132.066	136.028
23	Chi phí in hóa đơn, phiếu thu, hợp đồng...	6.464	7.821	9.371	11.201	12.324
24	CP lợi thế TM phân bổ	30.094	30.094	30.094	30.094	30.094
25	Chi phí VTVcab chia cho ĐVHT	-126.073	-166.012	-183.385	-206.388	-227.533
26	Chi phí khác	84.695	88.679	92.863	97.256	101.869
III	Lợi nhuận trước thuế	74.317	81.154	106.633	115.693	282.521

(Nguồn: Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam)

(Ghi chú: Kế hoạch sản xuất kinh doanh chính thức sẽ được trình và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất của Công ty).

Các căn cứ xây dựng kế hoạch nêu trên:

❖ Căn cứ xây dựng kế hoạch thuê bao:

- Căn cứ vào thực tế kinh doanh và cạnh tranh tại tất cả các địa bàn toàn quốc.
- Căn cứ vào dung lượng đầu port thiết kế của hạ tầng mạng VTVcab, cũng như lộ trình nâng cấp mạng trên toàn quốc.
- Căn cứ vào lộ trình số hóa dịch vụ truyền hình cáp Analog đến hết năm 2020.
- Căn cứ vào lộ trình đầu tư hạ tầng Internet: đầu tư Internet GPON tại các địa bàn chưa cung cấp Internet của VTVcab.
- Căn cứ vào lộ trình đầu tư hạ tầng truyền dẫn, hạ tầng truyền dẫn kênh toàn quốc:
 - + VTVcab tự chủ động triển khai Internet (thuê băng thông quốc tế, trong nước) thay vì hợp tác với các đơn vị viễn thông CMC, SPT, Viettel như hiện tại.
 - + VTVcab chủ động đường truyền tín hiệu Bắc Nam, liên tỉnh, liên huyện.

- Căn cứ vào lộ trình đầu tư hệ thống sản xuất chương trình: VTVcab chủ động sản xuất các kênh, các chương trình truyền hình nhằm mục đích đưa dịch vụ tốt nhất tới khách hàng.

❖ **Căn cứ xây dựng kế hoạch doanh thu:**

- Các dịch vụ tính kế hoạch doanh thu: Analog, SD, HD/Full HD, VOD, Internet.
- Căn cứ vào chính sách giá dịch vụ hiện tại cũng như chính sách giá các dịch vụ trong các năm từ 2017 đến 2021.
- Căn cứ vào số lượng thuê bao tại thời điểm cuối năm 2016 và kế hoạch thuê bao từ năm 2017 đến năm 2021.
- Căn cứ vào thực tế triển khai dịch vụ hiện tại và kế hoạch đẩy mạnh triển khai dịch vụ, chăm sóc khách hàng từ năm 2017 đến năm 2021.

3. Biện pháp thực hiện

❖ **Giải pháp về tổ chức biên chế, lao động**

⚡ **Chiến lược nhân sự của VTV cab**

- Xây dựng thương hiệu để thu hút nhân tài: Phải tạo ra thương hiệu tốt trên thị trường: niềm tự hào, hãnh diện của nhân lực khi được làm việc trong doanh nghiệp có thương hiệu tốt.
- Xây dựng và thực hiện chính sách lương bổng hợp lý, các chế độ chính sách đãi ngộ về lao động phù hợp với tình hình phát triển của VTVcab và thị trường; đảm bảo lợi ích công bằng cho tất cả nhân viên.
- Xây dựng và có quy trình sử dụng nguồn nhân sự minh bạch: dựa trên năng lực thực sự của nhân sự để bố trí và đãi ngộ; cơ hội học hỏi và lộ trình thăng tiến.
- Đãi ngộ tài chính:
 - + Trả lương và các khoản phụ cấp tương xứng với vị trí công việc và theo năng suất lao động, kết quả sản xuất kinh doanh.
 - + Chi trả các khoản tiền thưởng, trợ cấp khuyến khích và thúc đẩy phát triển; Các khoản phúc lợi được đảm bảo đầy đủ, công khai, minh bạch và đúng thời hạn.
- Đãi ngộ phi tài chính:
 - + Công việc tốt và phù hợp.
 - + Cơ hội được đảm nhận các công việc có trọng trách.
 - + Cơ hội được tham gia quá trình ra quyết định.
 - + Quan hệ đồng nghiệp thân thiện, cởi mở, tạo dựng tốt văn hóa doanh nghiệp VTVcab.
- Xây dựng và có chiến lược dài hạn về nhân lực: phát triển nghề nghiệp cho người lao động, có chiến lược đào tạo về kỹ năng, chủ động tạo dựng nhân lực cao cấp từ chính nguồn nhân lực của mình (đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài).
- Xây dựng môi trường làm việc lành mạnh: người lao động cảm thấy được tôn trọng, được tham gia vào quá trình ra quyết định của doanh nghiệp và có cơ hội để phát triển; Chú trọng xây dựng và phát huy văn hóa doanh nghiệp, điều kiện lao động hợp lý.

⚡ **Giải pháp về tổ chức, biên chế lao động**

- Cải tiến việc tổ chức nơi làm việc:

- + Tạo ra những điều kiện vật chất kỹ thuật cần thiết để tiến hành các nhiệm vụ sản xuất với năng suất cao.
- + Bảo đảm cho quá trình sản xuất được thực hiện liên tục và nhịp nhàng.
- + Bảo đảm những điều kiện thuận lợi nhất để tiến hành quá trình lao động và tạo sự hứng thú tích cực cho người lao động.
- + Bảo đảm khả năng thực hiện các động tác lao động trong tư thế thoải mái, cho phép áp dụng các phương pháp và thao tác lao động tiên tiến.
- Hoàn thiện các hình thức phân công lao động:
 - + Xác định những yêu cầu kỹ thuật của công việc và con người phải đáp ứng.
 - + Xây dựng vị trí chức danh công việc, mô tả công việc và tuyển chọn lao động theo những yêu cầu của sản xuất.
 - + Thực hiện sự bố trí lao động theo đúng những yêu cầu của công việc, áp dụng những phương pháp đào tạo, huấn luyện có hiệu quả. Sử dụng hợp lý những người đã được đào tạo, bồi dưỡng tiếp những người có khả năng phát triển, chuyển và đào tạo lại những người không phù hợp với công việc.
 - + Đảm bảo phù hợp giữa nội dung và hình thức của phân công lao động với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
 - + Để đảm bảo sự phù hợp giữa những khả năng sản xuất và phẩm chất của con người, phải lấy yêu cầu công việc làm tiêu chuẩn để lựa chọn người lao động.
 - + Đảm bảo sự phù hợp giữa công việc phân công với đặc điểm và khả năng của lao động, phát huy được tính sáng tạo của họ.
- Hoàn thiện công tác định mức lao động; Hợp lý hoá các thao tác và phương pháp lao động.
- Điều kiện lao động và chế độ làm việc nghỉ ngơi.
- Các hình thức kích thích vật chất và tinh thần đối với người lao động.
- Tăng cường kỷ luật lao động và tổ chức thi đua.
- ✦ **Các giải pháp, hành động cụ thể:**
 - Chuẩn hóa cơ cấu tổ chức bộ máy, hệ thống chức danh mô tả công việc:
 - + Rà soát, tối ưu hóa phân công công việc giữa các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.
 - + Kiện toàn hệ thống chức danh, phân cấp cấp bậc của toàn hệ thống.
 - + Hoàn thiện bản mô tả chức danh công việc cho từng vị trí công việc.
 - Hoàn thiện và chuẩn hóa quy chế trả lương theo phương pháp 3P (trả lương theo vị trí chức danh công việc, theo năng lực và hiệu quả, kết quả làm việc của từng cá nhân lao động); gắn tiền lương với vị trí công việc đảm nhận, với năng lực và kết quả thực hiện của cá nhân, đơn vị và của Tổng công ty .
 - Hoàn thiện hệ thống đánh giá hiệu quả công việc, quản lý công việc theo KPIs.
- ❖ **Giải pháp về thị trường**
- ✦ **Đầu tư nghiên cứu thị trường**
 - Xây dựng và thực hiện chương trình tổng thể về nghiên cứu thị trường bao gồm: xây dựng và phân tích hệ thống cơ sở dữ liệu thị trường: phân tích, xác định những vùng thị trường

tiềm năng, vùng thị trường đã khai thác, vùng thị trường chưa khai thác và đánh giá quy mô của từng vùng thị trường (phân loại thị trường sản phẩm, dịch vụ); xác định các vùng thị trường tiềm năng lớn, các sản phẩm dịch vụ có doanh thu cao và có khả năng phát triển trong tương lai.

- Thành lập nhóm nghiên cứu thị trường thực hiện chuyên trách công tác thu thập thông tin, nghiên cứu thị trường, khách hàng, các hoạt động của đối tác.
- Sử dụng các thông tin từ nghiên cứu thị trường: Cơ sở dữ liệu thông tin về ngành, về các đối thủ, về khách hàng, về thị trường hiện tại và tiềm năng, về cơ cấu và phân bổ khách hàng, về các xu thế mới để hoạch định các chiến lược và kế hoạch kinh doanh. Vận dụng các thông tin đầu ra của các điều tra nghiên cứu để điều chỉnh các chiến lược phát triển thị trường kịp thời.

✚ **Cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng**

- Theo thống kê lượng thuê bao hủy dịch vụ hàng tháng của VTVcab cũng khá lớn do đó VTVcab cần phải tập trung nhiều vào khâu chăm sóc khách hàng:
- Nâng cấp hệ thống chăm sóc khách hàng, đảm bảo tỷ lệ cuộc gọi thành công lên đến 99%.
- Bên cạnh phương thức thu cước truyền thống, truyền hình trả tiền Việt Nam cũng cần phải đẩy mạnh triển khai các phương thức thu thuê bao mới bên cạnh phương thức thu tại nhà thủ công và trả trước tại các đại lý. Triển khai thêm các phương thức phát hành thu cước qua thẻ cào, trả trước tự động qua tài khoản ngân hàng hoặc chuyển khoản.
- Đẩy mạnh công tác chăm sóc dịch vụ sau bán hàng, thường xuyên kiểm tra, theo dõi tín hiệu nhà khách hàng một cách chủ động để có biện pháp xử lý tín hiệu tại thuê bao, giải quyết khiếu nại một cách nhanh nhất.

✚ **Xây dựng, mở rộng và phát triển kênh phân phối**

- Việt Nam đang trong quá trình hội nhập, mở cửa thị trường là điều tất yếu. VTVcab đã, đang và sẽ gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt từ các đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền trong nước cũng như nước ngoài. Vì vậy, xây dựng một chiến lược phân phối dịch vụ là vấn đề cần thiết. Các kênh phân phối của VTVcab cần lưu ý một số vấn đề sau:
- Kênh bán hàng trực tiếp: Mở rộng thêm hợp tác bán hàng kèm sản phẩm dịch vụ cùng các trung tâm điện máy lớn trên cả nước, các hãng điện tử...
- Tập trung phát triển mạnh mô hình bán hàng qua thẻ cào trả trước, trả sau theo thời hạn tương ứng với mệnh giá tiền. Mục đích tạo sự thuận lợi cho khách hàng trong quá trình thanh toán và sử dụng dịch vụ.
- Tập trung đẩy mạnh bán hàng qua kênh thương mại điện tử. Thanh toán và kích hoạt thẻ qua Website.
- Mở rộng các showroom tại các thành phố lớn, đặc biệt là Hà Nội và Hồ Chí Minh.
- Xây dựng thành lập riêng đơn vị bán hàng, hỗ trợ online để đẩy mạnh công tác bán cũng như PR thương hiệu VTVcab

✚ **Giải pháp về giá dịch vụ:**

- Xây dựng chính sách giá linh hoạt theo đối tượng khách hàng là khối cơ quan, doanh nghiệp, khách sạn, nhà nghỉ được xếp hạng, với khách hàng là hộ gia đình, đảm bảo quyền lợi khách hàng cũng như nguồn thu cho VTVcab. Qua đó, tạo được thị trường bền vững với số lượng khách hàng trung thành.

- Xây dựng các chương trình giảm giá cước và các chế độ chiết khấu trong thanh toán, đảm bảo cho khách hàng thấy được sự khác biệt việc sử dụng dịch vụ của VTVcab và các đơn vị khác.
- Cung cấp nhiều gói cước, mức giá linh hoạt phù hợp với từng phân khúc khách hàng khác nhau.

✚ **Giải pháp về truyền thông xây dựng thương hiệu:**

- Trong bối cảnh thị trường hiện nay, số lượng các đơn vị cung cấp loại hình dịch vụ truyền hình trả tiền ngày càng đa dạng, phong phú, vì vậy người tiêu dùng gặp rất nhiều khó khăn trong việc phân biệt, đánh giá và lựa chọn sản phẩm. Mỗi doanh nghiệp đều cố gắng tạo một phong cách, hình ảnh, ấn tượng, uy tín cho sản phẩm mình nhằm đem lại hình ảnh dễ đi vào nhận thức của khách hàng. Có nhiều hoạt động nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu nhưng hoạt động PR và truyền thông đang được xem là một công cụ hữu hiệu để phát triển thương hiệu:
- Xây dựng và phát triển mối quan hệ đối nội, ngoại của doanh nghiệp nhằm tranh thủ sự ủng hộ và hợp tác các bên liên quan để phát triển thương hiệu của VTVcab.
- Tăng cường thực hiện các hoạt động tài trợ, từ thiện, phát triển cộng đồng để tạo cơ hội quảng bá, khuếch trương thương hiệu, xây dựng lòng tin của khách hàng.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông nội bộ với mục tiêu để bản thân các cán bộ công nhân viên được hiểu rõ hơn về công việc cũng như các dịch vụ của VTVcab, góp phần tạo nên quan hệ gắn kết giữa các cán bộ trong công ty.

✚ **Bảo vệ bản quyền các kênh truyền hình trả tiền:**

- Đối với các kênh truyền hình, nội dung thể thao của VTVcab trong các năm trở lại đây đã bị nhiều đơn vị, đài truyền hình địa phương, các đơn vị truyền hình trả tiền nhỏ lẻ, các trang mạng xã hội, trang mạng tin tức thu phát, cắt ghép. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín của VTVcab đối với các đối tác nước ngoài, ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận và thị phần của VTVcab trên thị trường. Do đó, cần thiết lập trung tâm bảo vệ bản quyền chương trình, trung tâm có nhiệm vụ kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm bản quyền, từ đó buộc các đơn vị phải nghiêm túc thực thi Luật Bản quyền chương trình hoặc ngừng phát sóng, hoạt động, nộp phạt theo Quy định.

V. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Người lao động của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam, công đoàn công ty và nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá theo phương án cổ phần hóa đã được Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam phê duyệt theo Quyết định số 174/QĐ-THVN ngày 31/01/2018.

2. Cổ phần nhà nước nắm giữ

Theo Quyết định số 174/QĐ-THVN ngày 31/01/2018 của Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam, Nhà nước sẽ nắm giữ 51% Vốn điều lệ công ty cổ phần, tương ứng sở hữu 45.081.076 cổ phần, tương đương 450.810.760.000 đồng.

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý tăng vốn Nhà nước theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP, Thông tư 196/2011/TT-BTC và Thông tư 127/2014/TT-BTC và sẽ được trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bán tiếp vào thời điểm thích hợp sau khi Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

3. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động

Căn cứ:

- Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ
- Danh sách lao động của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31/12/2015
- Biên bản họp Hội nghị cán bộ công nhân viên bất thường ngày 26/08/2017
- Thông báo số 11/TB-VTVcab ngày 11/01/2018 của Công ty về mua cổ phần ưu đãi của người lao động khi cổ phần hóa;
- Danh sách người lao động cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần và đăng ký mua cổ phần theo năm cam kết;
- Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Công văn số 46/VTVcab của VTVcab ngày 11/01/2018 về việc hướng dẫn thực hiện chính sách với người lao động khi cổ phần hóa.
- Biên bản Hội nghị đại biểu cán bộ công nhân viên bất thường ngày 20/01/2018 về việc thông qua những thay đổi trong phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty truyền hình Cấp Việt Nam
- Quyết định số 174/QĐ –THVN của Tổng giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam ngày 31/01/2018 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam.

3.1. *Bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên theo thời gian thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước*

- Tổng số lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp: 2.063 người.
- Tổng số lao động được mua cổ phần ưu đãi tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp: 1.879 người.
- Tổng số năm công tác được mua cổ phần ưu đãi: 8.735 năm.
- Tổng số người lao động đăng ký mua cổ phần: 1.879 người
- Tương ứng với số cổ phần đăng ký mua là: **873.500 cổ phần (Tám trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm cổ phần).**
- Giá bán: Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động bằng 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần).
- Thời gian thực hiện: Sau khi thực hiện đấu giá công khai.

3.2. *Bán cổ phần cho người lao động cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần*

- Tiêu chí xác định đối tượng người lao động được mua thêm cổ phần ưu đãi theo thời gian

cam kết làm việc tại công ty cổ phần cụ thể như sau:

- + Tiêu chí để được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tại doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần/01 người. Đối tượng và điều kiện áp dụng như sau:
 - o Người lao động thuộc đối tượng chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần;
 - o Không vi phạm các nội quy, quy chế của Tổng công ty, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức khiển trách trở lên trong vòng 03 năm gần nhất tính tới ngày 31/12/2015.
 - o Có thời gian làm việc còn lại tính đến thời điểm đủ điều kiện nghỉ hưu từ đủ 03 năm trở lên;
 - o Có cam kết làm việc lâu dài cho Tổng công ty trong thời hạn ít nhất là 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
- + Tiêu chí để được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tại doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần/01 người áp dụng đối với người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao.

Đối tượng và điều kiện áp dụng như sau:

- o Người lao động thuộc đối tượng chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần;
- o Là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao;
- o Có thời gian làm việc còn lại tính đến thời điểm đủ điều kiện nghỉ hưu từ đủ 03 năm trở lên;
- o Có cam kết làm việc lâu dài cho Tổng công ty trong thời hạn ít nhất là 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

Người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao phải đáp ứng đủ các tiêu chí như sau:

- o Không vi phạm các nội quy, quy chế, không bị xử lý kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong vòng 03 năm gần nhất tính tới thời điểm 31/12/2015;
- o Có chứng chỉ, bằng cấp đào tạo từ bậc đại học trở lên;
- o Hiện đang là cán bộ từ cấp phó trưởng phòng hoặc tương đương trở lên; hoặc người lao động khác hiện đang giữ bậc lương chuyên gia/chuyên viên chính/kỹ sư chính/chuyên viên ở ngạch A4, bậc 7/7 theo thang bảng lương của Tổng công ty.

- Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định sau:

- + Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp theo trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.
 - o Số người được mua: 1.724 người
 - o Số cổ phần đã đăng ký: 46.300 cổ phần
- + Mua thêm 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp tại Công ty sau khi doanh nghiệp cổ phần hóa trong thời hạn ít nhất 03 năm, nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người đối với đối tượng là các chuyên gia giỏi và cán bộ quản lý có trình độ nghiệp

vụ cao.

- Số người được mua: 129 người
- Số cổ phần đã đăng ký: 106.500 cổ phần
- Tổng số lao động cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần: 73 người.
- Tổng số cổ phần được mua ưu đãi thêm: **152.800 cổ phần**, với tổng giá trị theo mệnh giá là **1.528.000.000 đồng** (*Một tỷ năm trăm hai mươi tám triệu đồng*), chiếm tỷ lệ **0,17%** vốn điều lệ.
- Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm được xác định là giá khởi điểm được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong phương án cổ phần hóa .
- Thời gian thực hiện: Sau khi bán đấu giá cổ phần công khai.

4. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Tổng số cổ phần thực hiện bán ra bên ngoài như sau:

- Tổng số cổ phần bán đấu giá : 42.292.624 cổ phần, chiếm tỷ lệ 47,84% vốn điều lệ
- Giá khởi điểm đề xuất : 140.900 đồng/cổ phần
- Đơn vị tư vấn bán đấu giá : Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
- Đơn vị tổ chức bán đấu giá : Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Thời gian bán đấu giá : Dự kiến quý 2/2018
- Đối tượng tham gia đấu giá : Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của Pháp luật (*Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ*)
- Giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại công ty : Khi chuyển sang công ty cổ phần, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 123 ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 49% (nhà đầu tư có thể đặt mua lượng cổ phần tối đa bằng số cổ phần bán đấu giá).

5. Cổ phần bán ưu đãi cho công đoàn

Số cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn là 0 cổ phần.

Ngày 25/08/2017, Ban chấp hành Công đoàn Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam đã có văn bản số 03/CV-CĐVTVcab gửi Chủ tịch Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam về việc mua cổ phần ưu đãi trong Tổng công ty của công đoàn Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam, theo đó căn cứ vào tình hình tài chính của Công đoàn năm 2016, Ban chấp hành Công đoàn thấy không còn kinh phí để mua cổ phần ưu đãi của

Tổng công ty, toàn thể Ban chấp hành Công đoàn thống nhất 100% không mua cổ phần ưu đãi của Tổng công ty (có biên bản họp Ban chấp hành Công đoàn ngày 12/06/2017).

6. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

Các Nhà đầu tư mua cổ phần thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định:

- Nhà đầu tư tham gia đấu giá: Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam.
- Người lao động: Thanh toán mua cổ phần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo thông báo của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam

7. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt cổ phần hóa

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước, tạm tính theo phương án tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá bán tối thiểu là 140.900 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

Bảng 18: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa

STT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
A	Vốn điều lệ	884.000.000.000
B	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp theo sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2015	450.810.760.000
C	Tiền thu từ cổ phần hóa (dự kiến):	5.985.801.241.600
-	Từ bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực nhà nước	5.241.000.000
-	Từ bán cổ phần ưu đãi mua thêm cho người lao động theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	21.529.520.000
-	Từ bán cổ phần cho công đoàn	0
-	Từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	0
-	Từ bán đấu giá công khai	5.959.030.721.600
D	Giá trị mệnh giá cổ phần bán cho người lao động, nhà đầu tư chiến lược và bán đấu giá công khai	433.189.240.000
E	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại Doanh nghiệp (E) = (A) – (B)	433.189.240.000
F	Chi phí cổ phần hóa của doanh nghiệp	2.900.680.000
G	Chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư	0
H	Phần thặng dư vốn để lại doanh nghiệp tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/Vốn điều lệ (làm tròn)	0
	Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách = (C) – (E) – (F) – (G) – (H)	5.549.711.321.600

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam)

VI. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam

Ông Nguyễn Thành Lương – Trưởng Ban chỉ đạo Cổ phần Hóa

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là trung

thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Phương án cổ phần hóa đã được Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam phê duyệt ngày 31/01/2018.

2. Đại diện Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam

Ông Hoàng Ngọc Huấn- Chủ tịch Công ty

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của Pháp luật về cổ phần hóa để Nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính và kết quả, triển vọng phát triển của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam.

3. Đại diện tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Người đại diện: Ông Chu Mạnh Hiền

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam đảm bảo rằng việc xây dựng và soạn thảo Bản Công bố thông tin này trung thực, khách quan và chính xác dựa trên các thông tin và số liệu do Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam cung cấp.

Tất cả các thông tin trên được đưa ra theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và quyền lợi hợp pháp của Nhà đầu tư nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị chứng khoán.

Các thông tin trên cung cấp cho các Nhà đầu tư với mục đích giúp Nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính mong các Nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản Công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu giá mua cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam.

VII. CAM KẾT CỦA CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Khi đăng ký bán đấu giá lần đầu qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty sẽ đồng thời thực hiện đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định tại Thông tư 115/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 196/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Sau khi thực hiện xong quá trình cổ phần hóa, Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định nêu trên

VIII. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái...Chính vì vậy, Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những

ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

❖ **Tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới**

Theo nhận định của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), nền kinh tế toàn cầu đang bị kìm hãm bởi những yếu tố như năng suất thấp, dân số già, những triển vọng chưa rõ ràng từ việc Mỹ nâng lãi suất và sự chững lại của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới là Trung Quốc. Những biến động của nền kinh tế thế giới này ảnh hưởng nhiều tới các thị trường tiền tệ, hàng hóa trong năm 2016.

Giá dầu đã giảm xuống mức thấp nhất trong 11 năm qua, tác động tiêu cực tới các nước xuất khẩu dầu mỏ lớn. Bên cạnh đó, tình hình căng thẳng giữa Nga và các nước phương Tây chưa có dấu hiệu lắng xuống cũng làm nền kinh tế đôi bên chịu thiệt hại không nhỏ. Nền kinh tế Châu Âu vẫn chưa thoát khỏi khó khăn lại đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng di cư từ Trung Đông, Bắc Phi, việc tấn công khủng bố leo thang, nước Anh rút khỏi Liên minh Châu Âu (Brexit),... Triển vọng các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển sẽ chứng kiến nhịp độ tăng trưởng chậm hơn nhiều so với 05 năm liên tiếp vừa qua. Theo Báo cáo “Triển vọng kinh tế thế giới” phát hành tháng 10/2017, IMF đã nâng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm nay ở mức 3,6% và 3,7% trong năm 2018 như báo cáo hồi tháng 07, đồng thời cảnh báo nhịp độ của nền kinh tế hàng đầu thế giới có thể chậm lại trong vài năm tới do chính phủ thiếu chính sách định hướng tăng trưởng. IMF đã nâng mức dự báo tăng trưởng của Mỹ, nền kinh tế đầu tàu thế giới, có thể đạt 2,2% trong năm 2017, tăng 0,1% so với dự báo đưa ra 3 tháng trước và năm 2018 đạt 2,3%. Tăng trưởng của Khu vực sử dụng đồng Euro được dự báo ở mức 2,1% trong năm 2017 và 1,9% năm 2018.

❖ **Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam**

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Gia nhập WTO đồng nghĩa với việc hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ không bị bó hẹp trong các hiệp định song phương và khu vực mà sẽ có thị trường toàn cầu. Về nhập khẩu, với tư cách là thành viên của WTO, Việt Nam sẽ có cơ hội nhập khẩu hàng hóa có chất lượng và giá cả cạnh tranh, do đó người Việt Nam sẽ có lợi trong việc tiêu dùng. Việc nhập khẩu hàng hóa diễn ra dễ dàng sẽ làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi đối với các doanh nghiệp phải nhập khẩu công nghệ và nguyên liệu đầu vào cũng như các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, thương mại.

Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê (GSO), Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 ước tính tăng 6,21% so với năm 2015, trong đó quý I tăng 5,48%; quý II tăng 5,78%; quý III tăng 6,56%; quý IV tăng 6,68%. Mức tăng trưởng năm 2016 tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, nền kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công, khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, hiệu quả của các biện pháp, giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng thực hiện. Năm 2017, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt 6,81%. Sau những

khó khăn chạm đáy vào năm 2012, nền kinh tế quốc gia đang cho thấy sự tăng trưởng khá ổn định khi luôn cao hơn mức tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2011 – 2017.

Tỷ lệ tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm 2008 – 2017

Năm	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
GDP (%)	6,23	5,32	6,78	5,89	5,03	5,42	5,98	6,68	6,21	6,81

(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

Dự báo nền kinh tế Việt Nam năm 2018, sẽ tiếp tục xu hướng tăng trưởng nhờ sức tăng của tổng cầu, tiêu dùng cải thiện, đầu tư tư nhân tiếp tục phát triển do môi trường kinh tế vi mô cùng cải cách trong thể chế sẽ tạo dựng niềm tin của doanh nghiệp và hộ gia đình. Đặc biệt triển vọng từ các hiệp định thương mại tự do đã và đang ký xúc tiến ký kết sẽ mang lại nhiều lợi ích cho Việt Nam. Theo Standard Charter, nhiều khả năng tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2018 sẽ đạt mức 6,8%, xấp xỉ mức tăng trưởng của năm 2017.

Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến cơ sở hạ tầng nói riêng.

❖ **Lãi suất**

Cũng như các doanh nghiệp khác, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam cũng thường xuyên sử dụng kênh huy động vốn truyền thống là tín dụng và chịu lãi suất sử dụng vốn vay. Do đó, chỉ cần một sự biến động nhỏ về lãi suất trong chiến lược điều hành chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và lợi nhuận mà Công ty đạt được.

Trong năm 2015, mặt bằng lãi suất, cả lãi suất huy động và lãi suất cho vay, giảm từ 0,2% - 0,5%. Dù không đạt được như kỳ vọng đầu năm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhưng mặt bằng lãi suất này cũng đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh mà vẫn giữ được tính ổn định của thị trường tiền tệ. Theo đó, mức lãi suất cho vay đồng Việt Nam ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2015 là từ 7% - 9%/năm và kỳ hạn trung hạn là từ 9,3% - 11%/năm. Mức lãi suất cho vay của một số chương trình ưu tiên giảm nhẹ xuống khoảng 6,5% - 6,6%/năm. Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng tương đối ổn định trong năm vừa qua. Lãi suất kỳ hạn ngắn (từ dưới 01 tháng) có xu hướng giảm nhẹ, trong khi lãi suất kỳ hạn dài hơn (từ trên 03 tháng) có xu hướng tăng nhẹ.

Trong năm 2016, chủ trương của Ngân hàng Nhà nước là thực hiện đồng bộ các giải pháp để ổn định mặt bằng lãi suất huy động để phân đầu giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế. Trong 08 tháng đầu năm, lãi suất huy động cơ bản ổn định, có xu hướng tăng nhẹ 0,2 - 0,3% trong giữa tháng 02 đến tháng 03. Với việc thực hiện đồng bộ các giải pháp, mặt bằng lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng về cơ bản diễn biến ổn định, từ cuối tháng 04/2016, các ngân hàng thương mại Nhà nước và một số ngân hàng thương mại cổ phần đã giảm 0,5%/năm lãi suất cho vay ngắn hạn và đưa lãi suất cho vay trung và dài hạn về tối đa 10%/năm đối với các khách hàng vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, đồng thời tích cực triển khai các chương trình cho vay với lãi suất ưu đãi.

Tình hình lãi suất năm 2017 tương đối ổn định. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,8% - 1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3%-5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%-7,3%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6,5%/năm đối với ngắn hạn, 9%-10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các

lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Nhìn chung, cơ cấu tín dụng tiếp tục theo hướng tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh được ưu tiên, các dự án lớn trọng tâm, trọng điểm theo chủ trương của Chính phủ nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế.

❖ **Lạm phát**

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2014, để ổn định nền kinh tế, chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 4,0%.

Lạm phát Việt Nam qua các năm 2008 – 2017

Năm	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Tỉ lệ lạm phát (%)	22,9	6,52	11,75	18,13	9,21	6,04	4,09	2,05	1,83	1,41

(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

Theo báo cáo của Tổng Cục Thống kê trong năm 2017, lạm phát tăng thấp hơn mục tiêu Quốc hội đề ra. CPI tháng 12 chỉ tăng 0,21% so với tháng trước. CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với bình quân 2016. CPI bình quân tháng 12/2017 chỉ tăng 2,6% so với tháng 12/2016, bình quân mỗi tháng tăng 0,21%. Lạm phát cơ bản tháng 12/2017 chỉ tăng 0,11% so với tháng trước và tăng 1,29% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát bình quân năm 2017 tăng 1,41% so với bình quân 2016.

Như vậy, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam trong 3 năm gần đây có xu hướng ổn định dần qua các năm.

Lạm phát năm 2018 dự báo tương đương mức năm 2017, dưới 4%. Tuy nhiên, nếu giá điện tăng mạnh thì lạm phát có thể tăng cao hơn. Ước tính nếu giá điện tăng 8 – 10% sẽ góp phần làm lạm phát tăng 0,1 – 0,15 điểm %.

❖ **Rủi ro tỷ giá**

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Tỷ giá là một trong những điểm nóng vĩ mô năm 2015 khi thị trường tài chính toàn cầu chứng kiến nhiều sự kiện bất thường. Có tới bốn lần biến động tỷ giá trong năm 2015, trong đó có ba lần phá giá đồng VND và hai lần điều chỉnh biên độ giao dịch. Lần điều chỉnh cuối cùng trong năm 2015 vào ngày 19/08 bao gồm phá giá VND thêm 1% và nâng biên độ giao dịch lên +/-3% từ mức +/-2% trước đó. Đến năm 2016, Ngân hàng Nhà nước thực hiện điều hành tỷ giá theo cơ chế trung tâm, linh hoạt, bám sát các diễn biến của thị trường ngoại tệ trong nước cũng như diễn biến của đồng USD trên thị trường quốc tế, điều chỉnh linh hoạt, có tăng, có giảm phù hợp với diễn biến. Với cách điều hành như vậy, thị trường trong thời gian qua kết hợp với cung cầu tốt, tỷ giá tương đối ổn định, hệ thống tổ chức tín dụng đã mua ròng ngoại tệ từ nền kinh tế và bán được khối lượng khá lớn ngoại tệ cho Ngân hàng Nhà nước. Các hoạt động về găm giữ ngoại tệ qua theo dõi đã có những chuyển biến tích cực, tiền gửi ngoại tệ từ dân cư có xu hướng giảm tương đối nhanh so với cuối năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2017 tăng 0,02% so với tháng trước và giảm 0,05% so với cùng kỳ năm 2016; bình quân năm 2017 tăng 1,40% so với năm 2016. Nhờ vào chính sách tỷ giá đã và đang áp dụng, diễn biến tỷ giá năm 2017 vẫn tương đối ổn định.

2. **Rủi ro pháp lý**

Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới liên quan đến hoạt động của ngành

có ảnh hưởng tới Công ty. Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng và đã hình thành nên một môi trường pháp lý khá cởi mở, nhưng hành lang pháp lý của nước ta chưa thật sự hoàn chỉnh và ổn định, do đó ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Sau khi cổ phần hóa, hoạt động của Công ty vừa chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Tuy nhiên, hệ thống luật pháp Việt Nam chưa đồng bộ, đang trong quá trình hoàn thiện mới, các nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn cũng chưa thật đầy đủ, thị trường chứng khoán là lĩnh vực còn rất mới mẻ mà Doanh nghiệp cũng như nhà đầu tư chưa thực sự am hiểu để thực hiện đúng. Do đó nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình giao dịch cổ phiếu của Công ty.

3. **Rủi ro đặc thù ngành**

Đến thời điểm hiện tại, dịch vụ truyền hình cáp Analog vẫn đang là dịch vụ truyền thống cốt lõi của VTVCab. Việc thực hiện lộ trình số hóa dịch vụ truyền hình cáp Analog của Chính Phủ đến hết năm 2020 sẽ ảnh hưởng rất lớn đến định hướng phát triển và thay đổi mô hình cung cấp dịch vụ của VTVCab. Ngoài ra, số hóa dịch vụ truyền hình cáp Analog cung cấp thông qua thiết bị số HD, điều này đòi hỏi vốn đầu tư rất lớn vào chi phí thiết bị đầu cuối.

Để số hóa thành công, chất lượng hạ tầng mạng, hạ tầng truyền dẫn cũng là vấn đề thách thức lớn của VTVCab khi đối mặt với bài toán vốn đầu tư nâng cấp hạ tầng mạng cũ và đầu tư hạ tầng truyền dẫn trên toàn quốc.

4. **Rủi ro của đợt chào bán**

Việc chào bán cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn bởi tình hình thị trường chứng khoán và diễn biến của nền kinh tế. Những yếu tố, thông tin bất lợi về thị trường chứng khoán và kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư và khả năng hấp thụ của thị trường. Đây là đợt chào bán không có đơn vị bảo lãnh phát hành nên đợt bán đấu giá này có thể không thành công như kỳ vọng, tức là tổng khối lượng cổ phần được mua thấp hơn khối lượng chào bán. Khi đó, số cổ phần không chào bán hết sẽ được xử lý theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

Rủi ro của đợt chào bán, nếu xảy ra, sẽ làm thay đổi cơ cấu vốn điều lệ thực tế của Công ty so với cơ cấu dự kiến, qua đó phần nào ảnh hưởng tới việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa. Tuy nhiên, xem xét các thế mạnh hiện tại và tiềm năng phát triển trong dài hạn của Công ty, Công ty hoàn toàn tin tưởng vào sự thành công của đợt bán đấu giá cổ phần.

5. **Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên đây, một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như chiến tranh, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, các biến động của chính trị - xã hội...

IX. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra ngoài công chúng của Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Tổng công ty Truyền hình Cấp trước khi đăng ký mua cổ phần. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam cung cấp và được Ban chỉ đạo cổ phần hóa thông qua, đảm bảo tính công khai, minh bạch và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2018

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA



**TRƯỞNG BAN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thành Lương

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV

TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM



CHỦ TỊCH

Hoàng Ngọc Huân

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



CHU MẠNH HIỀN